

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Vào hồi 8 giờ 30 phút, ngày 24/4/2018 tại Hội trường Tầng 3, Khách sạn Núi hoa, tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (“ĐHĐCĐ”) của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (“Công ty”) đã được khai mạc.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI

1. Hội đồng quản trị và ban điều hành

- Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc – Chủ tọa
- Ông Đinh Văn Hiến	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Trần Nhất	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Huy Hoàn	Thành viên HĐQT
- Ông Mai Thanh Sơn	Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Tiến Biên	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc

2. Ban Kiểm soát:

- Ông Nguyễn Thế Phòng	Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Bùi Đức Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát
- Ông Đặng Thanh Vân	Thành viên Ban Kiểm soát

3. Các cổ đông của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (theo danh sách cổ đông chốt ngày 23/3/2018).

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

1. Thông qua quy chế làm việc của ĐHĐCĐ.
2. Bầu Ban thư ký và Ban kiểm phiếu.
3. Thông qua Chương trình nghị sự ĐHĐCĐ.

4. Thông qua Tờ trình về việc đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2018.
5. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017.
6. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018.
7. Thông qua Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017.
8. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.
9. Thông qua Tờ trình về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2018.
10. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán trong năm tài chính 2018.
11. Thông qua Tờ trình về Điều lệ sửa đổi, bổ sung 2018.
12. Thông qua Tờ trình về Quy chế quản trị.
13. Các nội dung khác do Đại hội quyết định
14. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

III. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

1. Ông Nguyễn Văn Vũ giới thiệu đại biểu, xin ý kiến Đại hội thông qua danh sách thành viên Ban thẩm tra tư cách cổ đông, gồm các ông bà: Ông Vũ Gia Hạnh - Trưởng ban, ông Đặng Lam Giang – Thành viên, Bà Phan Thị Thanh Huệ - Thành viên.

Đại hội đã biểu quyết với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.499.980	100%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

2. Ông Vũ Gia Hạnh – thay mặt Ban thẩm tra tư cách cổ đông thông báo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông có đủ điều kiện tham dự đại hội, theo đó:
- Tổng số cổ đông của Công ty theo danh sách cổ đông chốt ngày 23 tháng 03 năm 2018 là 840 cổ đông, nắm giữ 11.737.728 cổ phần có quyền biểu quyết.
 - Tổng số cổ đông được triệu tập là 840 cổ đông, nắm giữ 11.737.728 cổ phần có quyền biểu quyết.
 - Số cổ đông tham dự đại hội (trực tiếp, thông qua người được ủy quyền) là 32 cổ đông, đại diện cho 10.499.980 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 89,45% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, cuộc họp ĐHĐCĐ đủ điều kiện tiến hành.

(Có “Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông” kèm theo).

3. Ông Nguyễn Văn Vũ trình bày Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ và xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua.

Đại hội đã biểu quyết với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.499.980	100%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

4. Ông Vũ Phi Hồ – Chủ tọa tuyên bố khai mạc ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

Chủ tọa xin ý kiến ĐHĐCĐ về việc bầu Ban thư ký và Ban kiểm phiếu

- **Ban thư ký:**

Ông Đặng Lam Giang - Trưởng ban
 Bà Hoàng Thị Lây - Thành viên

- **Ban kiểm phiếu:**

Ông Bùi Đức Hùng - Trưởng ban
 Bà Bà Lèng Thị Tiên - Thành viên
 Bà Phan Thị Thanh Huệ - Thành viên
 Ông Đặng Ngọc Thủy - Thành viên

Đại hội đã biểu quyết thông qua Ban thư ký và Ban kiểm phiếu với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.499.980	100%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

Ông Vũ Phi Hồ trình bày nội dung chương trình nghị sự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. (Có "Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018" kèm theo).

Đại hội đã biểu quyết thông qua Chương trình nghị sự với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.499.980	100%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

5. Ông Vũ Phi Hồ – Tổng giám đốc trình bày với Đại hội Tờ trình về việc đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2018 (Có Tờ trình kèm theo).

*** Một số nội dung chủ yếu:**

- Tiếp tục triển khai dự án BT Đồng Nai đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 phê chuẩn theo tiến độ thực tế.
- Thực hiện bán quặng nguyên khai cho công ty Thiên Mã và mua lại tinh quặng của công ty Thiên Mã.
- Chỉ tiêu sản xuất năm 2018:

Stt	Nội dung	Khối lượng (tấn)	Ghi chú
1	Khai thác quặng nguyên khai	23.650	
2	Luyện kim	4.800	Chỉ kim loại \geq 98%
3	Tinh quặng kẽm	4.100	

- Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2018

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)
1	Tổng doanh thu	310
2	Giá vốn hàng bán	283,2
3	Chi phí tài chính	5
4	Chi phí quản lý	13,5
5	Thu nhập khác	4,5
6	Chi phí khác	1,1
7	Lợi nhuận kế toán trước thuế	11,7
8	Dự kiến nộp ngân sách nhà nước	28,74
	Trong đó:	
	- Thuế GTGT	14
	- Thuế tài nguyên, phí môi trường	12,4
	- Thuế thu nhập DN	2,34
9	Lợi nhuận sau thuế	9,36

- Dự kiến chia cổ tức sau khi đã trích lập các quỹ hợp lý, hợp lệ: 8%.
* Một số ý kiến của cổ đông:
- Ý kiến của cổ đông Nguyễn Huy Hoàn: Đề nghị làm rõ cơ sở để xây dựng chỉ tiêu doanh thu năm 2018.
Ông Vũ Phi Hồ trả lời: với khối lượng chì kim loại và tinh quặng kẽm như kế hoạch và với đơn giá hiện nay thì doanh thu hoàn toàn đạt 310 tỷ đồng.
- Ý kiến của cổ đông Đinh Văn Hiến: đề nghị bổ sung các chỉ tiêu đối với sản xuất bột kẽm oxit.
Ông Vũ Phi Hồ trả lời: nhà máy oxit kẽm dự kiến nhu cầu cần 6000T quặng nguyên khai/tháng, trong khi khả năng mua từ bên ngoài ít. Nhu cầu tài chính cho nhà máy oxit kẽm là nhu cầu khung, BTGD sẽ quyết định việc sử dụng vốn theo thực tế. Sẽ khó khăn khi đưa ra chỉ tiêu doanh thu khi mà nguồn nguyên liệu chưa ổn định.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.499.980	100%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

6. Ông Vũ Phi Hồ – TGD trình bày với Đại hội về các nội dung liên quan tới Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán (Có “Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017” kèm theo).

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.499.980	100%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

7. Ông Vũ Phi Hồ – Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo với Đại hội về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018 (Có “Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018” kèm theo)

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.499.980	100%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

8. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Thế Phòng – Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 (Có “Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017” kèm theo).

- Ý kiến của cổ đông Đinh Văn Hiến:

+ Lợi nhuận trong báo cáo của BKS nên thống nhất với Tờ trình về việc đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2018

+ Đề nghị sửa lại: Tháng 7/2017 công ty Việt Trung bắt đầu hoạt động và có quảng cung cấp cho xưởng tuyền.

Ông Nguyễn Thế Phòng trả lời: nhất trí tiếp thu ý kiến của cổ đông Đinh Văn Hiến

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu	Tỷ lệ % cổ phần có quyền
--------------------	---------------	--------------------------

	quyết	biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.499.980	100%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

9. Đại hội đã nghe Bà Trần Thị Yến – Kế toán trưởng trình bày Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 (Có “Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018” kèm theo).

*** Một số nội dung chủ yếu:**

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2017 là: 1.147.055.596 đồng được giữ lại để bổ sung vào nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Kế hoạch lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2018 là 9,36 tỷ đồng. Dự kiến chia cổ tức: 8%

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.499.980	100%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

10. Đại hội đã nghe Ông Vũ Phi Hồ – Chủ tịch HĐQT trình bày về Tờ trình mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký công ty.

*** Một số nội dung chủ yếu:**

- Tổng mức thù lao HĐQT năm 2017 là: 900.000.000 đồng cụ thể:

Stt	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2017		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	35.000.000	12	420.000.000
1	Thành viên HĐQT	4	10.000.000	12	480.000.000
	Tổng cộng				900.000.000

- Thù lao HĐQT năm 2018 như sau:

Stt	Chức danh	Số	Mức thù lao năm 2018
-----	-----------	----	----------------------

		người	Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	01	35.000.000	12	420.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	10.000.000	12	480.000.000
	Tổng cộng				900.000.000

- Tổng mức thù lao Ban kiểm soát năm 2017: 120.000.000 đồng cụ thể:

Stt	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2017		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Trưởng ban BKS	01	4.000.000	12	48.000.000
2	Thành viên BKS	02	3.000.000	12	72.000.000
	Tổng cộng				120.000.000

- Thù lao Ban kiểm soát năm 2018 như sau:

Stt	Chức danh	Số người	Mức thù lao 2018		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Trưởng ban BKS	01	4.000.000	12	48.000.000
2	Thành viên BKS	02	3.000.000	12	72.000.000
	Tổng cộng				120.000.000

- Thù lao của Thư ký công ty năm 2018 là: 3.000.000 đồng/tháng.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.499.980	100%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

11. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Thế Phòng – Trưởng ban kiểm soát trình bày Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán trong năm tài chính 2018. (Có Tờ trình kèm theo)

* Nội dung chủ yếu:

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Tổng giám đốc lựa chọn 1 trong 4 tổ chức kiểm toán gồm: Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam; Công ty TNHH Kiểm toán VACO; Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội; Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2018.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.499.980	100%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

12. Đại hội đã nghe ông Vũ Phi Hồ – Tổng giám đốc trình bày Tờ trình về Điều lệ sửa đổi, bổ sung 2018. (Có Tờ trình kèm theo)

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.499.980	100%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

13. Đại hội đã nghe ông Vũ Phi Hồ – Tổng giám đốc trình bày Tờ trình về Quy chế quản trị. (Có Tờ trình kèm theo)

Đối với quy định HĐQT phải có thành viên HĐQT độc lập, hiện nay công ty chưa đáp ứng được. Trong thời gian tới khi có nhiều ứng viên phù hợp để lựa chọn thì HĐQT sẽ giới thiệu.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.499.980	100%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

14. Đại hội đã nhất trí sử dụng hình ảnh ghi lại quá trình biểu quyết theo đúng trình tự thời gian, nội dung, làm cơ sở chứng minh cho các nội dung đã được biểu quyết tại Đại hội.
15. Ông Đặng Lam Giang – Ban thư ký đại hội đọc dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 để Đại hội biểu quyết thông qua.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với kết quả cụ thể như sau:

Kết quả biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
Nhất trí	10.499.980	100%
Không nhất trí	0	0%
Ý kiến khác	0	0%

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông là cơ sở để ban hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội kết thúc vào hồi 12 giờ 30 cùng ngày.



BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Đặng Lam Giang

Hoàng Thị Là

Số: 01 /2018/NQ-ĐHĐCĐ

Bắc Kạn, ngày 24 tháng 04 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/BB-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm-2018,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn nhất trí thông qua:

1. Tờ trình về việc đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2018 (Có Tờ trình kèm theo).

*** Một số nội dung chủ yếu:**

- Tiếp tục triển khai dự án BT Đồng Nai đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 phê chuẩn theo tiến độ thực tế.
- Thực hiện bán quặng nguyên khai cho công ty Thiên Mã và mua lại tinh quặng của công ty Thiên Mã.
- Chỉ tiêu sản xuất năm 2018:

Stt	Nội dung	Khối lượng (tấn)	Ghi chú
1	Khai thác quặng nguyên khai	23.650	
2	Luyện kim	4.800	Chỉ kim loại $\geq 98\%$
3	Tinh quặng kẽm	4.100	

- Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2018:



Stt	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)
1	Tổng doanh thu	310
2	Giá vốn hàng bán	283,2
3	Chi phí tài chính	5
4	Chi phí quản lý	13,5
5	Thu nhập khác	4,5
6	Chi phí khác	1,1
7	Lợi nhuận kế toán trước thuế	11,7
8	Dự kiến nộp ngân sách nhà nước	28,74
	Trong đó:	
	- Thuế GTGT	14
	- Thuế tài nguyên, phí môi trường	12,4
	- Thuế thu nhập DN	2,34
9	Lợi nhuận sau thuế	9,36

- Dự kiến chia cổ tức sau khi đã trích lập các quỹ hợp lý, hợp lệ: 8%.
- 2. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán (Có "Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017" kèm theo)
- 3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018 (Có "Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018" kèm theo)
- 4. Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 (Có "Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017" kèm theo).
- 5. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 (Có "Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018" kèm theo).

*** Một số nội dung chủ yếu:**

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2017 là: 1.147.055.596 đồng được giữ lại để bổ sung vào nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Kế hoạch lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2018 là 9,36 tỷ đồng. Dự kiến chia cổ tức: 8%
- 6. Tờ trình mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký công ty.

*** Một số nội dung chủ yếu:**

- Tổng mức thù lao HĐQT năm 2017 là: 900.000.000 đồng cụ thể:

Stt	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2017		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	35.000.000	12	420.000.000
1	Thành viên HĐQT	4	10.000.000	12	480.000.000
	Tổng cộng				900.000.000

- Thù lao HĐQT năm 2018 như sau:

Stt	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2018		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	01	35.000.000	12	420.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	10.000.000	12	480.000.000
	Tổng cộng				900.000.000

- Tổng mức thù lao Ban kiểm soát năm 2017: 120.000.000 đồng cụ thể:

Stt	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2017		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Trưởng ban BKS	01	4.000.000	12	48.000.000
2	Thành viên BKS	02	3.000.000	12	72.000.000
	Tổng cộng				120.000.000

- Thù lao Ban kiểm soát năm 2018 như sau:

Stt	Chức danh	Số người	Mức thù lao 2018		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Trưởng ban BKS	01	4.000.000	12	48.000.000
2	Thành viên BKS	02	3.000.000	12	72.000.000
	Tổng cộng				120.000.000

- Thù lao của Thư ký công ty năm 2018 là: 3.000.000 đồng/tháng.

7. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán trong năm tài chính 2018. (Có Tờ trình kèm theo)

*** Nội dung chủ yếu:**

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Tổng giám đốc lựa chọn 1 trong 4 tổ chức kiểm toán gồm: Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam; Công ty TNHH Kiểm toán VACO; Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội; Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2018.

8. Tờ trình về Điều lệ sửa đổi, bổ sung 2018. (Có Tờ trình kèm theo)
9. Tờ trình về Quy chế quản trị. (Có Tờ trình kèm theo)
10. Đại hội đã nhất trí sử dụng hình ảnh ghi lại quá trình biểu quyết theo đúng trình tự thời gian, nội dung, làm cơ sở chứng minh cho các nội dung đã được biểu quyết tại Đại hội.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCKHN;
- HĐQT, BTGD;
- BKS;
- Các cổ đông, website công ty;
- Lưu VT, CBTT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**



Vũ Phi Hồ

Bắc Kạn, ngày 24 tháng 04 năm 2018

**BIÊN BẢN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (lần thứ nhất) của Công ty Cổ phần Khoáng Sản Bắc Kạn được Ban tổ chức Đại hội đề cử (Theo Thông báo số 76/TB-BKC ngày 09/04/2018) gồm:

1. Ông: Vũ Gia Hạnh - Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông;
2. Ông: Đặng Lam Giang - Thành viên;
3. Bà: Phan Thị Thanh Huệ - Thành viên.

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông đã thực hiện kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (lần thứ nhất) tại địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông năm 2018 (Hội trường Khách sạn Núi Hoa – Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn).

Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

1. Tổng số cổ đông của Công ty (theo danh sách chốt tại ngày 23 tháng 03 năm 2018 là): 840 cổ đông.

- Tổng số cổ phần sở hữu: 11.737.728 (Mười một triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, bảy trăm hai mươi tám) cổ phần phổ thông.

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 11.737.728 (Mười một triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, bảy trăm hai mươi tám) cổ phần.

- Tổng số phiếu biểu quyết: 11.737.728 phiếu biểu quyết.

2. Tổng số cổ đông tham dự Đại hội (trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền): 32 cổ đông

- Tổng số cổ phần sở hữu: 10.499.980 cổ phần phổ thông

- Tổng số phiếu biểu quyết: 10.499.980 phiếu biểu quyết.

Trong đó:

- Cổ đông trực tiếp tham dự: 20 người, sở hữu: 3.918.866 cổ phần.

- Cổ đông tham dự thông qua người được ủy quyền: 12 người, sở hữu: 6.581.114 cổ phần.





Như vậy, tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự Đại hội là 10.499.980 cổ phần, chiếm 89,45% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, tương đương 10.499.980 phiếu biểu quyết, chiếm 89,45% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty. Sau khi kiểm tra, 32 cổ đông đều đủ tư cách tham dự Đại hội theo quy định.

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (lần thứ nhất) đủ điều kiện để tiến hành.

Đính kèm Biên bản này là Danh sách cổ đông tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2018.

Biên bản này được lập hồi 08 giờ 30 phút ngày 24 tháng 04 năm 2018.

BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

**Trưởng ban**

Vũ Gia Hạnh

Thành viên



Đặng Lam Giang

Thành viên



Phan Thị Thanh Huệ

001495
ÔNG T
Ổ PHẢ
DÁNG S
ẮC KẠN
AN T. B

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Đơn vị: Công ty cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

STT (Mã số)	Họ tên	Hình thức tham dự/ Số cổ phần		Tổng số
		Trực tiếp	Ủy quyền	
1	Vũ Gia Hạnh	1 100		1 100
2	Bùi Đức Hùng	66		66
3	Mai Quốc Trung	510		510
4	Trần Quang Minh	966		966
5	Lưu Văn Sĩ	322		322
6	La Đình Xường	644		644
7	Phạm Ngọc Diễm		11 486	11 486
8	Đinh Văn Hiến	2 576		2 576
9	Nguyễn Thị Xuyên		266 800	266 800
10	Hoàng Thị Thanh Hằng		262 600	262 600
11	Nguyễn Huy Hoàn	292 200		292 200
12	Mai Thị Thanh Huyền	100		100
13	Mai Văn Bản		863 828	863 828
14	Phan Hoàng Phương Thảo		480 600	480 600
15	Lê Quang Thành	272 200		272 200
16	Nguyễn Mạnh Hùng	285 000		285 000
17	Nguyễn Tiến Biền	10 000		10 000
18	Bùi Mạnh Cường		11 600	11 600
19	Chu Song Nguyễn Hưng		283 100	283 100
20	Công ty CP KLM Bắc Bộ		561 500	561 500
21	Vũ Thu Trang		284 700	284 700
22	Trần Văn Quyền	8 100		8 100
23	Lương Thiện Năng		257 900	257 900
24	Nông Văn Đông	295 000		295 000
25	Hoàng Thị Tinh		297 000	297 000
26	Đặng Thanh Vân	639 283		639 283
27	Trần Thị Yến	866		866
28	Lêng Thị Tiên	20 100		20 100
29	Lưu Công Quang	24 800		24 800
30	Công ty TNHH DV ANB	2 063 745		2 063 745
31	Công ty TNHH tập đoàn Thiên Mã		3 000 000	3 000 000
32	Nguyễn Thế Phòng	1 288		1 288
Cộng		3 918 866	6 581 114	10 499 980

(Tính đến 08 giờ 30 phút ngày 24 tháng 04 năm 2018 có 32 cổ đông tham dự Đại hội)

Trưởng Ban:

Thành viên:

Thành viên:



Vũ Gia Hạnh

Nguyễn Văn Bình

Phạm Thị Thanh Hằng

Bắc Kạn, ngày 09 tháng 4 năm 2018

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;

Nhằm đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ; tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông; Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, cụ thể như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc chỉnh tề.
2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí, khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc hướng dẫn sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc chuyển sang chế độ rung không chuông.
5. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ biểu quyết tại Đại hội.

II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

1. Quyền và nghĩa vụ các cổ đông tham gia đại hội Đại hội đồng cổ đông.

1.1. Điều kiện tham gia đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu BKC theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 23/3/2018 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham gia đại hội

- a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền (sau đây gọi tắt là cổ đông) đến dự đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp.
- Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/bản sao Giấy Chứng nhận ĐKDN.
- Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự đại hội).

(Trường hợp cổ đông là cá nhân thì Giấy ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì giấy ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi người đại diện pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó; Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền,

người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp).

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông đến dự Đại hội được nhận 01 Thẻ biểu quyết. Thẻ biểu quyết ghi rõ họ tên Cổ đông, mã số tham dự Đại hội (do Ban tổ chức gán cho mỗi cổ đông) và số phiếu biểu quyết (bằng số cổ phần sở hữu của mỗi cổ đông/đại diện cổ đông tại ngày 23/3/2018- ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2018).

b. Cổ đông tham dự và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc có thể ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham gia đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

c. Cổ đông tham dự đại hội muốn phát biểu thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự đại hội có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi rồi chuyển cho Ban Thư ký đại hội.

d. Cổ đông được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ BKC.

e. Cổ đông tới dự họp ĐHĐCĐ sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

f. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây rối mất trật tự làm ảnh hưởng đến quá trình diễn ra ĐH.

g. Cổ đông đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết bầu cử các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết bầu cử đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị (HDQT) là Chủ tọa của Đại hội.

2.2. Trường hợp Chủ tịch HDQT vắng mặt, một trong các thành viên HDQT sẽ đảm nhiệm vị trí chủ tọa Đại hội.

2.3. Chủ tọa Đại hội có nhiệm vụ:

- Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua.

- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội;

- Xin ý kiến Đại hội về danh sách đề cử và ứng cử vào HDQT và BKS do Ban Tổ chức tổng hợp; giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu; giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

- Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết;

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu và giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

2.3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự Đại hội.

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc biện pháp an ninh khác;
- Yêu cầu bộ phận chức năng duy trì trật tự tại Đại hội; trục xuất những người không tuân thủ điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành bình thường của Đại hội hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội đồng cổ đông.

2.4. Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc đổi địa điểm họp, nhưng không quá 03 ngày kể từ ngày được mời dự Đại hội chính thức, trong trường hợp sau:

- Địa điểm không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông dự Đại hội;
- Có người dự Đại hội có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Ban Tổ chức Đại hội thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông công nhận giấy tờ của cổ đông đến họp để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt tại thời điểm 23/3/2018; phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử; báo cáo trước đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký ĐHCĐ

4.1. Ban Thư ký ĐHCĐ do Chủ tọa giới thiệu và tổ chức lấy ý kiến thông qua Đại hội.

4.2. Ban Thư ký ĐHCĐ thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa, gồm:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn bảo lưu tại Đại hội;
- Soạn thảo, hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội. Thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
- Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông thông qua Tổ giúp việc Đoàn Chủ tịch.

5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

5.1. Ban kiểm phiếu Đại hội do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.

5.2. Ban Kiểm phiếu Đại hội có nhiệm vụ:

- Thống kê, tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung;
- Thực hiện việc phát phiếu, kiểm phiếu.
- Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký và công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.
- Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả biểu quyết của các cổ đông trong cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2018.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu của cổ đông và/hoặc được ủy quyền. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết và một phiếu biểu quyết, trong đó ghi mã số cổ đông, số phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn).

2. Cách biểu quyết

- Cổ đông biểu quyết (theo thứ tự “Đồng ý”, “Không đồng ý”, “Không có ý kiến hoặc có ý kiến khác”) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

- Khi biểu quyết thông qua một vấn đề tại Đại hội đưa ra, các cổ đông đồng ý thông qua thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Ban Kiểm phiếu sẽ đánh dấu Mã số cổ đông tham dự và số phiếu biểu quyết tương ứng với từng cổ đông đồng ý trên Thẻ biểu quyết. Và tương tự, đối với các ý kiến còn lại.

Cổ đông đánh dấu vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết về các nội dung mình đã biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết và nộp lại cho Ban tổ chức.

3. Thẻ lệ biểu quyết

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.

- Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại Đại hội khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, trừ các trường hợp theo Khoản 2 Điều 20 Điều lệ.

IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc

Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa cuộc họp; việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nghị sự; cổ đông có ý kiến phải đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho Ban Thư ký Đại hội; Ban Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch.

2. Cách thức phát biểu

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua, không dùng lời lẽ xúc phạm hoặc gây mất trật tự tại Đại hội. Chủ tọa cuộc họp sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự chương trình làm việc và đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của các cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

V. BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

1. Tất cả các nội dung tại ĐHĐCĐ phải được Thư ký Đại hội ghi vào biên bản họp của ĐHĐCĐ.

2. Biên bản ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Biên bản ĐHĐCĐ phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn.

Trên đây là toàn bộ quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Địa chỉ: Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn
 Điện thoại: (0209) 3812399 - Fax: (0209) 3871837 - Website: backanco.com
 Giấy chứng nhận ĐKDN số 4700149595 do Sở KH&ĐT tỉnh Bắc Kạn
 cấp ngày 29/03/2006, thay đổi lần thứ 10 ngày 28/5/2015

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Thời gian: Khai mạc lúc 08h00 ngày 24 tháng 4 năm 2018

Địa điểm: Khách sạn Núi Hoa, tỉnh Bắc Kạn - Tổ 4, P. Đức Xuân, Tp. Bắc Kạn, T. Bắc Kạn

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
01	07h00-08h00	- Cổ đông đăng ký danh sách, nhận tài liệu	BTC
02	08h00-08h30	- Ôn định và chào cờ	BTC
		- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	BTC
		- Thông qua quy chế làm việc của Đại hội	BTC
		- Chủ tịch HĐQT lên phát biểu khai mạc và điều hành Đại hội. - Bầu Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội - Thông qua chương trình nghị sự Đại hội	Chủ tịch HĐQT
03	08h30-11h30	CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ ĐẠI HỘI	
		1. Thông qua Tờ trình về việc đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2018. Thảo luận và biểu quyết.	Tổng Giám đốc
		2. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017. Thảo luận và biểu quyết.	Kế toán trưởng
		3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018. Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tịch HĐQT
		4. Thông qua Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017. Thảo luận và biểu quyết.	Trưởng Ban kiểm soát
		5. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018. Thảo luận và biểu quyết.	Kế toán trưởng
		6. Thông qua Tờ trình về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2018. Thảo luận và biểu quyết.	Kế toán trưởng
		7. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán trong năm tài chính 2018. Thảo luận và biểu quyết.	Trưởng ban kiểm soát
		8. Thông qua Tờ trình về Điều lệ sửa đổi, bổ sung 2018	Chủ tịch HĐQT
		9. Thông qua Tờ trình về Quy chế quản trị	Chủ tịch HĐQT

		10. Các nội dung khác do Đại hội quyết định	Chủ tịch HĐQT
04	11h30-11h45	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội. Thảo luận và biểu quyết thông qua.	Chủ tịch HĐQT Thư ký Đại hội
05	11h45	Bế mạc Đại hội	Chủ tịch HĐQT

Số: 05 /TTr-TGD

Bắc Kạn, ngày 09 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v: Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017;
Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch năm 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;

Thay mặt cho Ban điều hành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (“Công ty”), Tổng giám đốc báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty (“ĐHĐCĐ”) về kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch năm 2018 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NĂM 2017

1. Đánh giá chung:

- Năm 2017 bên cạnh những thuận lợi về sự phát triển ổn định của nền kinh tế trong nước và thế giới thì những khó khăn về điều kiện khách quan có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chính sách quản lý của Nhà nước và địa phương ngày càng được thắt chặt có những ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình hoạt động của Doanh nghiệp.
- Vượt qua những khó khăn bắt kịp những thuận lợi để ổn định sản xuất kinh doanh.
- Trong năm 2017 Công ty đã đạt được những thành quả đáng khích lệ; doanh thu vượt chỉ tiêu; đời sống người lao động được cải thiện cả về vật chất lẫn tinh thần; việc làm và thu nhập ổn định; người lao động yên tâm công tác và nỗ lực hơn trong lao động sản xuất.

2. Thuận lợi và khó khăn:

2.1. Thuận lợi:

Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện của cơ quan quản lý nhà nước tỉnh Bắc Kạn và Trung ương; Nội bộ Công ty đoàn kết; Ban lãnh đạo có quyết tâm cao, chỉ đạo quyết liệt, sát sao với cơ sở; Người lao động tích cực trong lao động sản xuất.

Trong sự phát triển ổn định của nền kinh tế thị trường thì việc tăng giá kim loại và đặc biệt là giá kim loại kẽm trong những tháng cuối năm 2017 đã đánh dấu bước thắng lợi quan trọng trong chiến lược của Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc Công ty.

2.2. Khó khăn:

- Kết quả khai thác tiếp tục không đạt được kế hoạch đặt ra do những tác động không lường trước được như điều kiện địa chất biến động, thời tiết khí hậu khắc nghiệt đặc biệt là việc mưa lớn 03 tháng liên tục năm 2017 làm ảnh hưởng và thiệt hại lớn đến hoạt động sản xuất của toàn Công ty; việc chưa được quy hoạch vùng nguyên liệu có thêm mỏ để khai thác dẫn đến thiếu nguyên liệu cho các nhà máy chế biến.
- Các khoản thuế, phí tiếp tục tăng cùng với đà tăng của nguyên liệu đầu vào trong ngành chế biến làm giá thành sản xuất tăng cao dẫn đến hiệu quả trong sản xuất kinh doanh giảm sút.

- Các cơ chế, chính sách của Nhà nước còn nhiều bất cập, ràng buộc doanh nghiệp, mang tính cục bộ địa phương; Đặc biệt là thủ tục hành chính còn rườm rà, chồng chéo dẫn đến khó khăn trong việc triển khai các dự án đầu tư.

- Nguồn nhân lực cho sản xuất đặc biệt khan hiếm do lực lượng lao động tại địa phương thiếu, trình độ chưa đáp ứng được yêu cầu; nhận thức, hiểu biết về chính sách, ý thức chấp hành pháp luật còn hạn chế dẫn đến tình trạng luôn thiếu lao động. Công tác tuyển dụng mới không đáp ứng đủ cho nhu cầu trong sản xuất.

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2017 giá kim loại tăng đặc biệt là kim loại kẽm đã đánh giá một bước đi đúng của Ban điều hành Công ty. Bên cạnh đó các cơ sở chế biến và khai thác mỏ hoạt động liên tục. Sau những nỗ lực của ban lãnh đạo Công ty dự án nhà máy luyện chì hoạt động trở lại từ ngày 08/12/2017; cơ sở hạ tầng tiếp tục được đầu tư, cải tạo và nâng cấp; điều kiện lao động, môi trường làm việc, sinh hoạt được cải thiện; trang thiết bị phục vụ sản xuất từng bước được cơ giới hóa; chất lượng lao động và chất lượng sản phẩm được nâng lên; Công ty đã thu hút một lực lượng lao động đông đảo cả trong và ngoài tỉnh Bắc Kạn, góp phần giải quyết việc làm, hỗ trợ an sinh xã hội; đóng góp vào giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, tăng thu ngân sách địa phương, thúc đẩy lĩnh vực khai thác và chế biến sâu khoáng sản phục hồi và phát triển.

Những kết quả đạt được trong năm 2017 cụ thể như sau:

Bảng 1: Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2017

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		Tỷ lệ % thực hiện
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Tổng sản lượng khai thác nguyên khai	Tấn	31.667	21.784,29	68,79
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến				
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	5.000	4.685,105	93,70
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	4.000	2.750,651	68,77
	- Chì kim loại (hàm lượng \geq 98%)	Tấn	1.000	355,62	35,56
3	Khối lượng hàng hóa đã xuất bán				
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn		3.366,41	
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn		3.943,414	
	- Chì kim loại (hàm lượng \geq 98%)	Tấn		355	
4	Tổng doanh thu	Đồng	160.000.000.000	182.920.006.383	114,33
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	15.600.000.000	3.003.611.439	19,25
6	Nộp ngân sách nhà nước	Đồng	20.000.000.000	23.340.605.527	116,70
7	Nộp Bảo hiểm xã hội	Đồng		6.163.650.165	
8	Thu nhập bình quân	Đồng	6.500.000	7.000.000	107,69
9	Tổng vốn đầu tư thực hiện	Đồng	137.000.000.000	11.216.027.150	8,19

10	Vốn điều lệ của Công ty	Đồng	117.377.280.000	117.377.280.000	100
----	-------------------------	------	-----------------	-----------------	-----

(Nguồn Báo cáo tài chính năm 2017 hợp nhất đã được kiểm toán)

Bảng 2: Chi tiết các khoản nợ ngân sách nhà nước năm 2017

Stt	Chỉ tiêu	Số còn phải nợ tại thời điểm 31/12/2016	Phát sinh trong kỳ năm 2017		Số còn phải nợ tại thời điểm 31/12/2017
			Số phải nợ	Số đã nộp	
1	Thuế GTGT phải nộp	2.109.459.711	10.516.966.865	10.080.695.737	2.545.730.839
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	22.998.550	18.684.703	20.311.591	21.371.662
3	Thuế thu nhập Doanh nghiệp	20.694.835	1.612.154.396		1.632.849.231
4	Thuế tài nguyên	1.114.014.899	3.684.542.703	4.798.557.602	
5	Phí bảo vệ môi trường	2.213.885.584	4.693.762.600	6.907.648.184	
6	Thuế thu nhập cá nhân	51.912.285	335.033.832	326.567.061	60.379.056
7	Tiền thuê đất	305.347.722	515.134.250	820.481.972	
8	Các loại thuế, phí khác		733.887.380	386.343.380	347.544.000
Tổng cộng		5.838.313.586	22.110.166.729	23.340.605.527	4.607.874.788

(Nguồn Báo cáo tài chính năm 2017 hợp nhất đã được kiểm toán)

Bảng 3: Chi tiết tổng vốn đầu tư thực hiện năm 2017

Stt	Chỉ phí đầu đầu tư	Giá trị (VNĐ)
1	Mỏ Nà Bốp- Pù Sáp	3.453.801.364
2	Dự án luyện chì	1.582.102.202
3	Dự án Nhà máy sản xuất bột kẽm ô xít	6.180.123.581
Tổng cộng		11.216.027.150

2. Công tác nhân sự:

2.1. Ban điều hành Công ty:

Hiện nay Ban điều hành gồm 05 thành viên cụ thể như sau:

Bảng 4: Danh sách Ban điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Vũ Phi Hồ	Tổng giám đốc	
2	Đình Văn Hiến	Phó Tổng giám đốc	
3	Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng giám đốc	
4	Nguyễn Tiến Biên	Phó Tổng giám đốc	
5	Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng giám đốc	Bỏ nhiệm tháng 5/2017
6	Nguyễn Văn Chi	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm tháng 6/2017

2.2. Các quyết định quan trọng về tổ chức bộ máy, nhân sự Công ty:

- Trên cơ sở về tổ chức bộ máy, nhân sự và các đơn vị trực thuộc đã được thành lập, trong năm 2017 không có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức.

- Trong năm 2017, Tổng giám đốc đã ký quyết định bổ nhiệm đối với 01 chức danh Phó tổng giám đốc, 01 chức danh Kế toán trưởng; ký 01 quyết định miễn nhiệm đối với chức danh Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và một số quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ Trưởng phòng, Giám đốc xí nghiệp.

2.3. Tổng số lao động toàn Công ty năm 2017:

Bảng 5: Số lao động đầu kỳ

Tổng số	Trong đó lao động nữ	Trình độ chuyên môn kỹ thuật						Loại HDLĐ		
		Đại học trở lên	Cao đẳng/cao đẳng nghề	Trung cấp/trung cấp nghề	Sơ cấp nghề	Đạy nghề thường xuyên	Chưa qua đào tạo	Không xác định thời hạn	Xác định thời hạn	Theo mùa vụ hoặc theo công việc dưới 12 tháng
541	48	64	18	30	7	22	400	424	86	31

Bảng 6: Số lao động cuối kỳ

Tổng số	Trong đó lao động nữ	Trình độ chuyên môn kỹ thuật						Loại HDLĐ		
		Đại học trở lên	Cao đẳng/cao đẳng nghề	Trung cấp/trung cấp nghề	Sơ cấp nghề	Đạy nghề thường xuyên	Chưa qua đào tạo	Không xác định thời hạn	Xác định thời hạn	Theo mùa vụ hoặc theo công việc dưới 12 tháng
415	37	56	21	35	10	15	278	274	101	40

2.4. Công tác đào tạo:

Trong năm 2017 Công ty đã thực hiện các khóa đào tạo, huấn luyện sau:

- Tập huấn người làm việc liên quan đến vật liệu nổ do Sở Công thương cấp chứng chỉ: 10 người;
- Tập huấn ATLĐ, VSLĐ, PCCC&CNCH: 109 người.

3. Kết quả triển khai thực hiện các dự án đầu tư:

3.1. Hoạt động khai thác năm 2017:

- Mỏ Nà Bốp - Pù Sáp tiếp tục hoạt động ổn định, sản lượng khai thác đạt 19.804,65 tấn quặng.

- Mỏ Nà Duồng sản lượng đạt: 1.225,3 tấn quặng. Tuy nhiên đến hết tháng 8/2017 mỏ đã hết hạn giấy phép khai thác phải dừng hoạt động.
- Mỏ Lũng Váng sản lượng đạt 754,34 tấn quặng.
- Mỏ Phú Đô: Đã thực hiện xong công tác đóng cửa mỏ, đang chờ các thủ tục đề bàn giao lại cho địa phương quản lý theo quy định.
- Mỏ nước khoáng AVA: Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý trình Tổng cục địa chất, Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét cấp giấy phép khai thác.
- Mỏ Bó Năm: Tiếp tục thực hiện các thủ tục xin thăm dò, phép khai thác theo quy định.

3.2. Hoạt động sản xuất, chế biến:

- Nhà máy luyện chì: Sau hơn một năm dừng hoạt động để tháo gỡ thủ tục pháp lý đến ngày 08/12/2017 nhà máy đã đi vào hoạt động trở lại. Sản lượng sản xuất đạt 355,62 tấn chì kim loại (hàm lượng Pb \geq 98%).
- Nhà máy sản xuất bột kẽm ôxít: Đã cải tạo sửa chữa xong, chờ thủ tục pháp lý để hoạt động.
- Nhà máy xử lý chất thải rắn: Do chưa được cấp mỏ mới nên vẫn chưa nâng cấp, cải tạo dây truyền chuyển đổi thành tuyến nổi để hoạt động.
- Sản xuất, kinh doanh đồ uống: Nhà máy CBRQ-NGK Bắc Kạn tiếp tục dừng sản xuất rượu, chỉ duy trì sản xuất nước đóng bình nhựa 20 lít; Trong năm 2017 nhà máy tiếp tục thu hẹp thị trường cung cấp, chỉ cung cấp cho các khu vực lân cận Thành phố Bắc Kạn và dừng hẳn việc cung cấp cho các đơn vị sản xuất trong nội bộ Công ty.

3.3. Hoạt động đầu tư khác: Năm 2017 Công ty không có hoạt động đầu tư ra bên ngoài.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

1. Về khai thác khoáng sản:

- Tiếp tục khai thác mỏ Nà Bốp – Pù Sáp đạt sản lượng 22.000 tấn quặng/năm..
- Chỉ đạo điều hành Công ty Việt Trung khai thác mỏ Lũng Váng đạt công suất được cấp phép 1.650 tấn quặng/năm.
- Mỏ Nà Duồng: Hoàn thiện thủ tục phê duyệt trữ lượng, đưa mỏ vào quy hoạch phân tán nhỏ lẻ và tiếp tục xin cấp phép khai thác, dự kiến công suất khai thác 10.000 tấn quặng/năm.
- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép mỏ chì kẽm Bó Năm và mỏ nước khoáng AVA.

2. Về chế biến khoáng sản:

- Tiếp tục thuê Công ty TNHH tập đoàn Thiên Mã tuyển quặng từ mỏ Nà Bốp - Pù Sáp, Lũng Váng theo công suất được cấp phép khai thác: mỏ Nà Duồng, mỏ Bó Năm (nếu được cấp phép).
- Phân đầu vận hành nhà máy luyện chì đạt sản lượng 4.800 tấn/năm.
- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý và chuẩn bị nguồn lực để đưa Nhà máy sản xuất bột kẽm ô xít đi vào hoạt động.
- Nghiên cứu, tiến hành sửa chữa, cải tạo nhà máy xử lý chất thải rắn thành nhà máy tuyển nổi với công suất 100 tấn quặng nguyên khai/ngày-đêm để khi được cấp mỏ mới đáp ứng ngay nhu cầu tuyển quặng.
- Nâng cấp công nghệ xử lý môi trường nhà máy luyện chì, xưởng tuyển nổi.

3. Các chỉ tiêu chính năm 2018:

3.1. Sản xuất:

Bảng 7: Chỉ tiêu sản xuất năm 2018

Stt	Nội dung	Đơn vị	Kết quả	Ghi chú
1	Khai thác quặng nguyên khai	Tấn	23.650	
2	Luyện kim	Tấn	4.800	Chi kim loại ≥ 98%
3	Tinh quặng kẽm	Tấn	4.100	

3.2. Doanh thu, lợi nhuận:

Bảng 8: Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2018

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)
1	Tổng doanh thu	310
2	Giá vốn hàng bán	283,2
3	Chi phí tài chính	5
4	Chi phí quản lý	13,5
5	Thu nhập khác	4,5
6	Chi phí khác	1,1
7	Lợi nhuận kế toán trước thuế	11,7
8	Dự kiến nộp ngân sách nhà nước	28,74
	Trong đó:	
	- Thuế GTGT	14
	- Thuế tài nguyên, phí môi trường	12,4
	- Thuế thu nhập DN	2,34
9	Lợi nhuận sau thuế	9,36

3.3. Cổ tức: Dự kiến chia cổ tức sau khi đã trích lập các quỹ hợp lý, hợp lệ: 8%.

3.4. Nhân sự:

- Lượng nhân sự tuyển mới:

Bảng 9: Số lượng nhân sự tuyển mới

Stt	Tên đơn vị	Số lượng (người)
1	Khối văn phòng	5
2	XN khai thác Băng Lãng	30
3	XN khai thác mỏ Pù Sáp	30
4	XN KT&CBKS Chợ Đồn (NMBKOX)	50
5	XN khai thác mỏ Nà Duồng	70
	Tổng:	185

- Kế hoạch đào tạo năm 2018:

+ Đào tạo giảng viên huấn luyện ATVSLĐ theo tiêu chuẩn của Nhà nước: 01 người.

+ Tổ chức huấn luyện ATVSLĐ lần đầu cho người lao động mới tuyển: 185 người.

+ Phổ biến nội quy, quy trình, quy phạm ATLĐ và huấn luyện định kỳ hàng năm về ATVSLĐ cho người lao động: trong toàn bộ các đơn vị sản xuất.

+ Phổ biến các quy định mới của Nhà nước về chế độ, chính sách liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động: toàn bộ lao động.

+ Tập huấn cho người làm việc liên quan đến vật liệu nổ công nghiệp (Công an tỉnh – Sở Công thương chủ trì): 45 người.

4.4. Nhu cầu vốn năm 2018:

Bảng 10: Nhu cầu vốn cho các dự án của Công ty năm 2018

Stt	Tên dự án	Kinh phí dự kiến (tỷ đồng)	Đã đầu tư (tỷ đồng)	Còn lại (tỷ đồng)	Ghi chú
1	Đầu tư cho sản xuất mỏ Nà Bốp - Pù Sáp	3,5	0	3,5	Sử dụng vốn tự có của DN
2	Xin cấp mỏ Nà Duồng	1,5	0	1,5	Sử dụng vốn tự có của DN
3	Cấp phép mỏ AVA	2	0	2	Sử dụng vốn tự có của DN
4	Cấp phép mỏ Bó Nặm	5,7	0	5,7	Sử dụng vốn tự có của DN
5	Sửa chữa, cải tạo NM xử lý CTR	3	0	3	Sử dụng vốn tự có của DN
6	Dự án bột kềm ô xít	22,2	0	22,2	Sử dụng vốn tự có của DN
7	Nâng cấp công nghệ xử lý môi trường nhà máy luyện chì và tuyển nổi	14,8	0	14,8	Sử dụng vốn tự có của DN
	- Nhà chứa xỉ thải, nguyên liệu	4	0	4	
	- Hệ thống phối trộn nguyên liệu luyện chì	1,5	0	1,5	
	- Xử lý khói khí nhà máy luyện chì	6	0	6	
	- Xử lý đuôi thải rắn xường tuyển từ lỏng sang rắn	2	0	2	
	- Máy xúc lật	1,3	0	1,3	
8	Lắp đặt trạm cân 120 tấn	0,5	0	0,5	Sử dụng vốn tự có của DN
9	Khu nhà tập thể xường tuyển (khu đất đối diện)	0,2	0	0,2	Sử dụng vốn tự có của DN
	Tổng cộng	53,4	0	53,4	

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT:

Trên đây là báo cáo của Ban điều hành Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- ĐHQĐ;
- HĐQT; BTGD; BKS;
- VP, TKCT;
- Lưu: VT.


TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Phi Hồ

Số: 07 /TTr – HDQT

Bắc Kạn, ngày 09 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2017 của Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn và Công ty TNHH Việt Trung;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng năm 2017, Báo cáo Công ty TNHH Việt Trung năm 2017 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Công ty phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

I. Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2017:

1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2017 Báo cáo tài chính hợp nhất:

1.1. Lợi nhuận kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty mẹ và Công ty con năm 2017 là: 3.003.611.439 đồng.

Cụ thể:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 Công ty mẹ (Báo cáo tài chính riêng) là: 4.529.423.125 đồng.

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 Công ty con (Báo cáo tài chính Công ty TNHH Việt Trung) là: - 7.526.415.034 đồng.

- Tăng lợi nhuận khi hợp nhất kết quả kinh doanh Công ty mẹ và Công ty con là: 6.000.603.348 đồng là số tiền mà Công ty mẹ trong năm 2017 đã trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty con.

1.2. Giảm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017: 3.483.658.496 đồng.

Giảm lợi nhuận sau khi tăng tỷ lệ kiểm soát công ty con (35%)

1.3. Tăng lợi nhuận chưa phân phối: 1.649.477.726 đồng.

Do tăng từ quỹ lương của năm trước đã tính vào quyết toán thuế TNDN năm 2016 Công ty mẹ 1.536.487.221 đồng và Công ty con 112.990.505 đồng

1.4. Giảm lợi nhuận chưa phân phối: 22.375.073 đồng.

Do chênh lệch lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2016 tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 và Báo cáo riêng năm 2016 (đã phân phối lợi nhuận).



Tổng lợi nhuận chưa phân phối đến 31/12/2017 là: 1.147.055.596 đồng.

Năm 2017 hoạt động sản xuất kinh doanh chưa đạt như kế hoạch đề ra. Do vậy lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2017 là: 1.147.055.596 đồng được giữ lại để bổ sung vào nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

II, Dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018:

1. Kế hoạch lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2018 là 9,36 tỷ đồng.
2. Dự kiến chia cổ tức: 8%

Trên đây là Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 của Công ty cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn cho ý kiến và biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT; BTGD; BKS;
- VP, TKCT;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN
BẮC KẠN
TP. BẮC KẠN T. BẮC KẠN
M.S.D.N. 470014950
Vũ Phi Hồ

49595 - C.T.C.P.
CÔNG TY
CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN
BẮC KẠN
TP. BẮC KẠN T. BẮC KẠN

Số: 06 /BC – HĐQT

Bắc Kạn, ngày 09 tháng 04 năm 2018

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018**

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Thay mặt Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, tôi xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD”) về kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2017, kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2018 như sau:

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2017

1. Nhân sự của Hội đồng quản trị

Bảng 1: Danh sách nhân sự Hội đồng quản trị

Stt	Họ và Tên	Chức vụ
1.	Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Đinh Văn Hiến	Thành viên
3.	Ông Nguyễn Huy Hoàn	Thành viên
4.	Ông Mai Thanh Sơn	Thành viên
5.	Ông Nguyễn Trần Nhất	Thành viên

2. Các cuộc họp của HĐQT trong năm 2017 và các quyết định được ban hành

2.1 Các cuộc họp

Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức họp và xin ý kiến bằng email để xem xét, thảo luận và thông qua các quyết định liên quan tới công tác nhân sự, hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và chiến lược phát triển của công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT. Những quyết định quan trọng đã được ban hành trong năm như tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017; bổ nhiệm và miễn nhiệm phó tổng giám đốc, kế toán trưởng v.v.

Các buổi họp và những lần xin ý kiến bằng email đều được chuẩn bị chu đáo, nghiêm túc, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành phù hợp với Điều lệ, các quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

2.2. Các Nghị quyết HĐQT trong năm 2017:

Bảng 2: Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2017

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	03/NQ-HĐQT	11/01/2017	Thông qua thang, bảng lương áp dụng từ 01/01/2017
2.	06/2017/NQ- HĐQT	22/02/2017	Cử người đại diện theo uỷ quyền và bổ nhiệm chức vụ
3.	07/2017/NQ-HĐQT	22/02/2017	Bán tinh quặng sunfua chì cho Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ
4.	08/2017/NQ- HĐQT	14/03/2017	Nhận chuyển nhượng tài sản của Công ty TNHH Hoà Thiên
5.	09/2017/NQ-HĐQT	18/04/2017	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
6.	10/2017/NQ-HĐQT	18/04/2017	Bổ sung nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
7.	18/2017/NQ-HĐQT	11/05/2017	Bổ nhiệm ông Vũ Gia Hạnh giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc
8.	19/2017/NQ-HĐQT	21/06/2017	Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017
9.	20/2017/NQ-HĐQT	22/06/2017	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng đối với ông Nguyễn Văn Chi
10.	21/2017/NQ-HĐQT	22/06/2017	Nghị quyết vv bổ nhiệm bà Trần Thị Yến giữ chức vụ Kế toán trưởng
11.	22/ 2017/ NQ – HĐQT	18/07/2017	Thế chấp xe ô tô để đảm bảo khoản vay tại BIDV Bắc Kạn
12.	25/ 2017/ NQ – HĐQT	01/08/2017	Về việc mua xe ô tô bằng vốn vay Ngân hàng
13.	26/2017/NQ- HĐQT	30/11/2017	Thế chấp tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại BIDV Bắc Kạn
14.	27/2017/NQ- HĐQT	30/11/2017	Cho phép Tổng giám đốc ủy quyền lại
15.	28/2017/NQ- HĐQT	12/12/2017	Bổ sung tài sản đảm bảo các khoản vay của Công ty tại VIETINBANK Bắc Kạn
16.	29/2017/NQ- HĐQT	20/12/2017	Điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư của Công ty TNHH Việt Trung (Công ty con của Công ty CP Khoáng sản Bắc



			Kạn)
17.	30/2017/NQ-HĐQT	29/12/2017	Thông qua Thang bảng lương áp dụng từ 01/01/2018

Bên cạnh đó HĐQT đã lập báo cáo tình hình quản trị 6 tháng, 1 năm và công bố thông tin theo đúng quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC.

3. Hoạt động giám sát của HĐQT

3.1. Giám sát, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

Với vai trò và trách nhiệm tuyệt đối trung thực, cần trọng vì quyền lợi của các cổ đông và của Công ty, HĐQT đã tuân thủ các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ và giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ.

3.2. Giám sát Tổng giám đốc Công ty, các cán bộ quản lý.

Thực hiện các quy định tại Điều lệ, pháp luật doanh nghiệp, HĐQT thường xuyên giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đánh giá Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh; báo cáo kịp thời, đầy đủ các nội dung cần trình HĐQT xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền. Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của Nghị quyết HĐQT, nỗ lực thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 do ĐHĐCĐ phê duyệt.

3.3. Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

Bảng 3: Doanh thu, lợi nhuận năm 2017

TT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch 2017 (Tỷ đồng)	Thực hiện 2017 (Tỷ đồng)	Mức hoàn thành
1	Tổng doanh thu	160	182,9	
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	15,6	3	

- Tháng 8 năm 2017 mỏ Nà Duồng hết giấy phép trong khi Công ty chưa được cấp mỏ mới; Mỏ Nà Bốp, Pù Sáp điều kiện khai thác khó khăn, ít quặng, phẩm vị thấp, thân quặng tập trung chủ yếu ở phần dưới sâu, mưa nhiều làm ngập đường lò mất nhiều thời gian xử lý; đồng thời nhà máy luyện chì đến ngày 8/12 mới hoạt động trở lại do không có chuyên gia nước ngoài vận hành và thiếu nguyên liệu v.v. Từ những nguyên nhân đó dẫn tới tổng sản lượng khai thác quặng nguyên khai năm 2017 chỉ đạt 21.784 tấn so với kế hoạch 31.667 tấn; chì kim loại 98% đạt 355,62 tấn so với kế hoạch 1000 tấn.

Trong năm 2017 giá kim loại tăng đặc biệt là kim loại kẽm đã góp phần quan trọng trong việc hoàn thành chỉ tiêu doanh thu như kế hoạch đã đề ra. Tuy vậy, do phải xử lý các khoản chi phí còn “treo” của những năm trước chuyển sang nên lợi nhuận sau thuế không đạt như kế hoạch đề ra.

- Trong năm 2017 tổng vốn đầu tư thực hiện đạt 11,2 tỷ đồng, so với kế hoạch nhu cầu sử dụng vốn là 137 tỷ đồng. Nguyên nhân là do một số dự án chưa triển khai nên chưa có nhu cầu sử dụng vốn, trong đó có dự án BT Đồng Nai (100 tỷ đồng) mới đang trong giai đoạn chấp thuận

959
3 TY
HÀN
G SA
KẠN
T BÀ

chủ trương đầu tư, điều chỉnh quy hoạch, hoàn thiện thủ tục pháp lý. Công ty tiếp tục triển khai các dự án đã được ĐHĐCĐ phê duyệt nhu cầu vốn khi đủ điều kiện.

4. Thù lao: Mức chi thù lao HĐQT năm 2017 như sau:

Bảng 4: Thù lao HĐQT năm 2017

Stt	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2017		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	35.000.000	12	420.000.000
1	Thành viên HĐQT	4	10.000.000	12	480.000.000
	Tổng cộng				900.000.000

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018

1. Tăng cường hoạt động giám sát, đảm bảo Công ty hoạt động đúng pháp luật, Điều lệ.
2. Phối hợp với Ban Điều hành xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
3. Đẩy mạnh công tác giám sát, đôn đốc Ban Điều hành triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch cũng như xem xét kịp thời, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và tổ chức nhân sự theo đề nghị của Ban điều hành trên cơ sở thẩm quyền của HĐQT để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.
4. Tiếp tục duy trì và nâng cao mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Ban điều hành phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT; BKS;
- BTGD;
- VP; TKCT;
- Lưu: VT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Vũ Phi Hồ

Bắc Kạn, ngày 05 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (“BKS”) báo cáo kết quả hoạt động năm 2017 như sau:

I. Tình hình chung

Năm 2017 hoạt động chính, chủ yếu của Công ty là khai thác và chế biến khoáng sản. Nhưng sản lượng khai thác còn chưa được cao, vừa khai thác, vừa thăm dò, còn gặp rất nhiều khó khăn. Trong khi đó hàm lượng kim loại trong quặng còn thấp có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của công ty. Mỏ Nà Duồng hết hạn khai thác vào tháng 8/2017 phải chờ xin cấp phép khai thác. Công ty Việt Trung được Công ty mua lại cũng bắt đầu có sản phẩm. Nhưng sản lượng cung cấp cho nhà máy chế biến cũng chỉ đạt khoảng 60% công suất. Đến cuối năm Nhà máy luyện chì mới hoạt động trở lại sau một thời gian dài phải tạm dừng sản xuất do cơ chế quản lý. Một số dự án khác của công ty đã và đang triển khai trong năm như: Nhà máy bột kẽm ô xít, Nhà máy xử lý chất thải rắn. Trong nhiều những khó khăn thì năm vừa qua công ty cũng đã xuất bán được thành phẩm tinh quặng kẽm bù đắp chi phí. Hoạt động sản xuất của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn vẫn được duy trì và có hiệu quả, đảm bảo được việc làm, thu nhập cho người lao động. Cơ chế tiền lương của khối công nhân trực tiếp sản xuất được cải tiến theo hướng tăng lên. Trình độ, tay nghề, ý thức của người lao động được nâng lên. Hoạt động khai thác từng bước được đầu tư, nâng cấp theo hướng hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa, tiết kiệm năng lượng, phát triển bền vững. Công tác tổ chức nhân sự tiếp tục được kiện toàn.

Trong năm 2017, BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Công ty như: Báo cáo hoạt động BKS trong năm 2016 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017; giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị (“HDQT”), Ban điều hành Công ty trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) và giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; tham dự đầy đủ các cuộc họp của HDQT; xem xét thẩm định báo cáo tài chính 2016 đã được kiểm toán; đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2017.

II. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Bảng 1: Kết quả doanh thu, lợi nhuận năm 2017

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2017		Mức hoàn thành (%)
		Kế hoạch (Tỷ đồng)	Thực hiện (Tỷ đồng)	
1	Tổng doanh thu	160	182,920	114
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	20	4,235	Không so sánh vì kế hoạch chưa tính đủ chi phí

2. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư năm 2017**2.1. Dự án khai thác mỏ chì, kẽm Nà Bốp – Pù Sáp**

Dự án tiếp tục triển khai theo đúng giấy phép cấp mỏ và tổ chức sản xuất khai thác ổn định để cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến hoạt động. Tuy nhiên, do điều kiện địa chất thay đổi nên công tác khai thác gặp nhiều khó khăn, ngày càng phải khai thác ở độ sâu tiềm ẩn nhiều rủi ro trong khai thác; sản lượng và chất lượng quặng không ổn định dẫn đến không đáp ứng đủ nguồn nguyên liệu cho các nhà máy chế biến hoạt động.

2.2. Dự án khai thác mỏ chì, kẽm Nà Duồng

Do hồ sơ, tài liệu thăm dò không đầy đủ, chính xác, điều kiện địa chất thay đổi nên sau khi triển khai dự án Mỏ Nà Duồng được 01 năm, Công ty vẫn phải sử dụng giải pháp vừa khai thác, vừa tiến hành thăm dò để tìm kiếm các vỉa quặng, ổ quặng nhưng tình hình sản xuất vẫn gặp nhiều khó khăn và không đạt được sản lượng như kỳ vọng. Mỏ Nà Duồng hết hạn khai thác vào tháng 8/2017, đang chờ xin cấp phép khai thác.

2.3. Công ty TNHH Việt Trung

Sau khi mua lại Công ty Việt Trung, Công ty tiến hành đầu tư cho sản xuất và đến tháng 06/2017 đã có quặng cung cấp cho Xưởng tuyển sản xuất. Nhưng nhìn chung thì sản lượng cũng như chất lượng quặng chưa cao.

2.4. Dây chuyền tuyển nổi quặng chì, kẽm sun fua (Xưởng tuyển nổi)

Hiện nay, Công ty vẫn đang thực hiện hợp đồng cho thuê mặt bằng nhà xưởng (xưởng tuyển nổi) với đối tác là Công ty TNHH tập đoàn Thiên Mã nhằm tăng thu nguồn tài chính cho Công ty. Tuy nhiên, do gặp khó khăn trong khai thác nên sản lượng không đủ cho xưởng tuyển hoạt động hết công suất thiết kế. Nếu xưởng tuyển nổi đủ nguyên liệu để hoạt động ổn định sẽ cung cấp được 50% - 60% nguồn nguyên liệu (tinh quặng 60% Pb) cho Nhà máy luyện chì hoạt động.

Ngoài ra, xưởng tuyển nổi còn sản xuất ra sản phẩm tinh quặng kẽm (50% Zn). Hiện nay, giá kim loại kẽm đang dần phục hồi và nếu duy trì được đà phục hồi thì kết quả sản xuất kinh doanh sẽ khả quan hơn và đảm bảo nguồn tài chính ổn định cho Công ty.

2.5. Dự án Nhà máy luyện chì

Sau khi được đầu tư cải tạo và nâng cấp dây chuyền công nghệ hiện đại, Nhà máy luyện chì đã đi vào hoạt động và bước đầu có hiệu quả. Tuy nhiên năm vừa qua Nhà máy phải tạm dừng hoạt động do các cơ quan chức năng không cho phép sử dụng lao động nước ngoài. Việc Nhà máy luyện chì tạm dừng hoạt động đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của

Công ty, làm cho công nhân lao động phải nghỉ chờ việc, thiết bị dây truyền xuống cấp. Nhà máy chỉ hoạt động trở lại vào ngày 8/12/2017.

2.6. Một số dự án khác

- Dự án cải tạo Xưởng bột kẽm ô xít: Đã triển khai, đang chạy thử nghiệm.
- Cải tạo, sửa chữa Nhà máy xử lý chất thải rắn
- Dự án mỏ Phú Đô: Làm thủ tục đóng cửa mỏ theo quy định.
- Dự án Nhà máy nước khoáng AVA: Đang tạm dừng sản xuất để làm thủ tục xin cấp mỏ.
- Dự án Nhà máy chế biến rau quả nước giải khát Bắc Kạn: Nhà máy vẫn duy trì sản xuất nước tinh khiết để cung cấp nước uống cho người lao động trong Công ty và tiêu thụ ngoài thị trường. Tuy nhiên, nhìn chung hoạt động hiện nay của Nhà máy vẫn không có hiệu quả.

III. Tình hình tài chính đến 31/12/2017

Trên cơ sở bản Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán, BKS tổng hợp một số kết quả tài chính tính đến thời điểm 31/12/2017 như sau:

Bảng 2: Một số kết quả tài chính tính đến ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 31/12/2016
1. Tổng tài sản	266.684.576.678	266.058.267.909
<i>Trong đó:</i>		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	16.123.152.597	8.731.369.411
- Các khoản phải thu ngắn hạn	27.910.067.070	28.331.930.525
- Hàng tồn kho	56.726.901.462	48.743.788.288
- Tài sản ngắn hạn khác	11.662.228.860	9.920.216.710
- Các khoản phải thu dài hạn	1.538.317.663	1.432.217.000
- Tài sản cố định	107.650.794.299	54.419.564.305
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	23.516.976.738	92.204.505.660
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14.752.365.200	17.150.251.895
- Tài sản dài hạn khác	6.803.772.789	5.124.424.115
2. Tổng nguồn vốn	266.684.576.678	266.058.267.909
<i>Trong đó:</i>		
- Nợ phải trả ngắn hạn	112.143.399.274	110.840.580.921
- Nợ phải trả dài hạn	3.389.875.000	4.218.000.000
- Vốn góp của chủ sở hữu	117.377.280.000	117.377.280.000
- Thặng dư vốn cổ phần	17.052.895.190	17.052.895.190
- Các quỹ khác	15.574.071.618	13.400.707.544
- Lợi nhuận chưa phân phối	1.147.055.596	2.150.989.001
- Lợi ích của cổ đông không đồng kiểm soát		1.017.815.253

IV. Công tác quản lý, điều hành của HĐQT và Ban tổng giám đốc:

1. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông:

❖ Đối với HĐQT

- HĐQT Công ty gồm 05 thành viên. Trong năm 2017, BKS tham dự 100% các cuộc họp của HĐQT. Qua giám sát, BKS đánh giá HĐQT tổ chức triển khai thực hiện đúng Nghị quyết

của ĐHCĐ và các Nghị quyết của HĐQT. Các vấn đề, nội dung cuộc họp được HĐQT chuẩn bị chu đáo và được thảo luận công khai, biểu quyết thông qua phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT.

- Các phiên họp của HĐQT có số thành viên dự họp đảm bảo theo đúng quy định của Điều lệ Công ty.

❖ **Đối với Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty đã triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ, nghị quyết của HĐQT và thực hiện điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty. Nội dung chỉ đạo điều hành của Ban Tổng giám đốc tuân thủ đúng các nghị quyết của ĐHCĐ và nghị quyết của HĐQT. Cụ thể:

- Đã tổ chức thực hiện các nội dung yêu cầu đối với công ty đại chúng;
- Đã nghiên cứu và áp dụng các biện pháp cải tiến trong quản trị doanh nghiệp và quản lý vật tư nguyên, nhiên vật liệu;
- Đã triển khai các giải pháp để đưa Công ty vượt qua khó khăn, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Kết quả sản xuất kinh doanh vẫn duy trì đảm bảo lợi nhuận trong điều kiện giá cả kim loại trên thị trường chưa cao.
- Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính theo đúng quy định.
- Công ty thực hiện nghiêm túc việc thuê đơn vị kiểm toán độc lập để soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm đúng quy định đối với công ty đại chúng.
- Các chế độ chính sách của người lao động được đảm bảo và từng bước được cải thiện, nâng cao.
- Người lao động được Công ty đóng đầy đủ các loại bảo hiểm bắt buộc; được trả tiền lương, tiền công cơ bản đúng thời hạn.

❖ **Đối với cổ đông:**

Qua công tác giám sát, BKS không phát hiện cổ đông của Công ty vi phạm các quy định của Luật Chứng khoán, vi phạm công bố thông tin. BKS cũng không nhận được bất kỳ khiếu nại nào từ các cổ đông.

2. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Trong quá trình thực hiện chức năng giám sát của mình, BKS luôn nhận được sự phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty.

3. Hoạt động khác của BKS

Ngày 05/04/2017, BKS đã họp để xem xét thẩm định Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán; cho ý kiến về dự thảo Báo cáo hoạt động của BKS trong năm 2016 và cả nhiệm kỳ 2011 - 2016 đồng thời cho ý kiến về việc đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán để cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2017.

Trên đây là báo cáo hoạt động của BKS năm 2017 trình ĐHCĐ thường niên năm 2018 xem xét và cho ý kiến.



Cuối cùng xin chúc quý vị Đại biểu, quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Chúc Công ty thực hiện hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, kế hoạch trong năm 2018. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp ./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHDGD;
- HĐQT; BKS;
- BTGD;
- CVP; TKCT;
- Lưu: BKS.



Số: 08/TTr – HĐQT

Bắc Kạn, ngày 09 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ vào thực tế hoạt động của Công ty;

Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký công ty trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao của HĐQT, BKS, TK như sau:

I. Thù lao Hội đồng quản trị:

1. Tổng mức thù lao HĐQT năm 2017 là: 900.000.000 đồng cụ thể:

Stt	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2017		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	35.000.000	12	420.000.000
1	Thành viên HĐQT	4	10.000.000	12	480.000.000
	Tổng cộng				900.000.000

2. Dự kiến thù lao HĐQT năm 2018 như sau:

Stt	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2018		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	01	35.000.000	12	420.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	10.000.000	12	480.000.000
	Tổng cộng				900.000.000

II. Thù lao của Ban kiểm soát:

1. Tổng mức thù lao Ban kiểm soát năm 2017: 120.000.000 đồng cụ thể:



Stt	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2017		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Trưởng ban BKS	01	4.000.000	12	48.000.000
2	Thành viên BKS	02	3.000.000	12	72.000.000
	Tổng cộng				120.000.000

2. Dự kiến mức thù lao Ban kiểm soát năm 2018 là:

Stt	Chức danh	Số người	Mức thù lao 2018		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Trưởng ban BKS	01	4.000.000	12	48.000.000
2	Thành viên BKS	02	3.000.000	12	72.000.000
	Tổng cộng				120.000.000

III. Thù lao của Thư ký công ty dự kiến là: 3.000.000 đồng/tháng.

Trên đây là nội dung tờ trình thông qua dự kiến thù lao của HĐQT, BKS, TK. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT; BKS;
- BTGD
- VP, TKCT;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Phi Hồ

Bắc Kạn, ngày 05 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán trong năm tài chính 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;

Ban kiểm soát (“BKS”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2018 của Công ty như sau:

1. Đề xuất về tiêu chí lựa chọn

BKS đề xuất với ĐHĐCĐ các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Chọn một đơn vị kiểm toán có uy tín, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Là đơn vị có đội ngũ kiểm toán viên có năng lực, trình độ, nhiều kinh nghiệm kiểm toán Báo cáo tài chính theo quy định của các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam;
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với nội dung, phạm vi, tiến độ kiểm toán và các điều kiện, mục tiêu phù hợp khác theo yêu cầu của Công ty.

2. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau

Với các tiêu chí lựa chọn nêu trên; Sau khi nghiên cứu hồ sơ năng lực của các Công ty kiểm toán, BKS đề xuất ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán sau để soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính 2018 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO. Là đơn vị đã kiểm toán cho Công ty năm 2017
- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội
- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

3. Kiến nghị của Ban kiểm soát:

BKS kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2018 của Công ty.



Trên đây là ý kiến đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát Công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2018. Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty xem xét và thông qua ./.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT; BKS
- BTGD;
- CVP; TKCT;
- Lưu: BKS.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thế Phòng



CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Số: 09 /TTr – HDQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày 09 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của công ty;

Để thực hiện theo đúng quy định của Nghị định và Thông tư hướng dẫn về quản trị công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung. (đính kèm dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung).

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT;
- BKS;
- BTGD;
- CVP; NĐUQCBTT;
- Lưu: VP;



Vũ Phi Hồ

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Ghi chú: Phần gạch chân bên mục Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2018 là những nội dung được sửa đổi, bổ sung

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2018	Tóm tắt một số thay đổi chính và giải thích
1	PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU	
	<p>Điều lệ này của Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn (dưới đây gọi là “Công ty” là cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với Luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức trong hai ngày 29/7/2013 và ngày 30/7/2013, sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 26/6/2014; sửa đổi, bổ sung lần 2 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 28/4/2016.</p>	<p>Điều lệ này của Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn (dưới đây gọi là “Công ty” là cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với Luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>Điều lệ này được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên năm 2018 ngày 24/4/2018.</u></p>	Bổ sung thêm lần sửa đổi, bổ sung thứ 3
2	CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
	<p style="text-align: center;">Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng</p>	<p style="text-align: center;">Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng</p>	

	<p>góp và quy định tại 0 của Điều lệ này.</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>c. "Công ty" có nghĩa là Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn.</p> <p>d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.</p> <p>e. "Cán bộ quản lý" là Tổng Giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p> <p>f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>g. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại 0 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.</p> <p>h. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.</p> <p>3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p> <p>4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.</p>	<p>góp và quy định tại 0 của Điều lệ này.</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>c. "Công ty" có nghĩa là Công ty cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.</p> <p>d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.</p> <p>e. "<u>Người điều hành doanh nghiệp</u>" là <u>Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</u></p> <p>f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, <u>khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.</u></p> <p>g. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại 0 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.</p> <p>h. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.</p> <p>3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p> <p>4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.</p>	<p>Thay thuật ngữ “cán bộ quản lý” thành “người điều hành doanh nghiệp”; “tổng giám đốc điều hành” thành “tổng giám đốc” theo Điều 2 Nghị định 71</p>
3	CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI	CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI	

NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN ▪ Tên tiếng Anh: BACKAN MINERAL JOINT STOCK CORPORATION ▪ Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN ▪ Tên viết tắt: BAMCORP <p>2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Địa chỉ: Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn ▪ Điện thoại: (84-0281) 3812 399 ▪ Fax: (84-0281) 3871 837 ▪ [E-mail]: info@backanco.com ▪ Website: http://backanco.com <p>4. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, <u>người đại diện theo pháp luật</u> và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN ▪ Tên tiếng Anh: BACKAN MINERAL JOINT STOCK CORPORATION ▪ Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN ▪ Tên viết tắt: BAMCORP <p>2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Địa chỉ: Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn ▪ Điện thoại: (84-0209) 3812 399 ▪ Fax: (84-0209) 3871 837 ▪ [E-mail]: info@backanco.com ▪ Website: http://backanco.com <p>4. <u>Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật duy nhất của Công ty.</u></p> <p>5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo</p>	<p>Thay mã vùng điện thoại</p> <p>Công ty chỉ có 1 người đại diện theo pháp luật</p> <p>Bỏ giới hạn thời hạn hoạt</p>

	0.2 hoặc gia hạn hoạt động theo 0 của Điều lệ này, thời hạn của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và thời hạn hoạt động là 50 năm.	0.2 hoặc gia hạn hoạt động theo 0 của Điều lệ này, thời hạn của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và <u>là vô thời hạn.</u>	động của công ty là 50 năm
4	CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
	<p>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khai thác quặng sắt; - Khai thác quặng kim loại quý hiếm; - Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; - Bán buôn kim loại và quặng kim loại; - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; - Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; - Hoạt động công ty nắm giữ tài sản; - Bán buôn thực phẩm; - Chế biến và bảo quản rau quả; - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Xây dựng nhà các loại; - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; - Phá dỡ; - Chuẩn bị mặt bằng; - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; - Hoàn thiện công trình xây dựng; - Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; 	<p>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. <u>Ngành nghề</u> kinh doanh của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khai thác quặng sắt; - Khai thác quặng kim loại quý hiếm; - Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; - Bán buôn kim loại và quặng kim loại; - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; - Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; - Hoạt động công ty nắm giữ tài sản; - Bán buôn thực phẩm; - Chế biến và bảo quản rau quả; - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Xây dựng nhà các loại; - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; - Phá dỡ; - Chuẩn bị mặt bằng; - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; - Hoàn thiện công trình xây dựng; - Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; 	Thay thuật ngữ “lĩnh vực kinh doanh” thành “ngành nghề kinh doanh”

<ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt hệ thống điện; - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; - Tái chế phế liệu; - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; - Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; - Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác. Chi tiết: thăm dò khoáng sản; - Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; - Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh về khai thác, chế biến khoáng sản và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận; Không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt hệ thống điện; - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; - Tái chế phế liệu; - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; - Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; - Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác. Chi tiết: thăm dò khoáng sản; - Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; - Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh về khai thác, chế biến khoáng sản và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận; Không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.</p>	
<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các</p>	<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các</p>	

	<p>biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p>	<p>biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được <u>Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u></p>	<p>Ngành nghề kinh doanh phải được ĐHCĐ thông qua thay vì HĐQT</p>
5	CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	
	<p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 117.377.280.000 đồng (<i>Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn</i>).</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 11.737.728 (<i>Mười một triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, bảy trăm hai mươi tám</i>) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (<i>mười nghìn đồng/cổ phần</i>).</p> <p>2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Tất cả các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Error! Reference source not found.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp</p> <p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở</p>	<p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 117.377.280.000 đồng (<i>Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn</i>).</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 11.737.728 (<i>Mười một triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, bảy trăm hai mươi tám</i>) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (<i>mười nghìn đồng/cổ phần</i>).</p> <p>2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Tất cả các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Error! Reference source not found.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp</p> <p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở</p>	

<p>hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p> <p>7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p> <p>7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	
<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ</p>	<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. <u>Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ</p>	<p>Bổ sung các hình thức của cổ phiếu</p>

<p>sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p>sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	
<p>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có <u>chữ ký</u> của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</p>	
<p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ</p>	<p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ</p>	

	phiếu mới chào bán.	phiếu mới chào bán <u>và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</u>	
	<p>Điều 9. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu</p>	<p>Điều 9. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán <u>quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp</u>. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu</p>	

	<p>hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>	<p>hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>	
6	CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	
	<p>Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Tổng giám đốc điều hành . 	<p>Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Tổng giám đốc . 	
7	CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
	<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ 	<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ 	

quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Cổ đông có thể tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phương thức biểu quyết của cổ đông sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; Cổ đông gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo, fax, thư điện tử đến Hội đồng quản trị chậm nhất (01) một ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trường hợp gửi thư bảo đảm, Trưởng ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần

quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Cổ đông có thể tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phương thức biểu quyết của cổ đông sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; Cổ đông gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo, fax, thư điện tử đến Hội đồng quản trị chậm nhất (01) một ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trường hợp gửi thư bảo đảm, Trưởng ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần

<p>góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 36 Điều lệ này;</p> <p>b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>d. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ</p>	<p>góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 36 Điều lệ này;</p> <p>b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>d. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ</p>	
---	---	--

<p>thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; 2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. 3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần; 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành; 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Vi phạm pháp luật; 	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; 2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết <u>thông qua các hành thức sau: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</u> 3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần; 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành; 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Vi phạm pháp luật; 	<p>Bỏ quy định cổ đông ủy quyền cho thành viên HĐQT (cổ đông có thể ủy quyền cho bất kỳ người nào)</p>

<p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.</p>	<p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.</p>	
<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số</p>	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. <u>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</u></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. <u>Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm</u> đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. <u>Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc</u></p>	<p>Kiểm toán viên có thể được mời họp để giải thích các nội dung có liên quan khi BCTC có các khoản ngoại trừ trọng yếu.</p> <p>Bổ sung trường hợp khi số</p>

<p>thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo,</p>	<p><u>lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</u></p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên</u> còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo,</p>	<p>thành viên độc lập HĐQT, kiểm soát viên ít hơn quy định và sửa đổi tỷ lệ số thành viên HĐQT bị giảm từ ½ thành 1/3.</p>
--	--	--

<p>Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	
<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <ol style="list-style-type: none"> Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thông qua các báo cáo tài chính năm; 	<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <ol style="list-style-type: none"> Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thông qua các báo cáo tài chính năm; 	

<p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p>	<p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% <u>tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</u></p>	
---	--	--

<p>n. Việc Tổng Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 14 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>35%</u> tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 14 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>- Bỏ quy định Chủ tịch HĐQT kiêm TGD phải được ĐHĐCĐ đồng ý và chấp thuận hàng năm.</p> <p>- Nâng giá trị hợp đồng phải xin ý kiến ĐHĐCĐ từ 20% lên 35%.</p>
<p>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số</p>	<p>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số</p>	

<p>phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp của cổ người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật đồng và người được uỷ quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.</p> <p>Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 0, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành</p>	<p>phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và <u>cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức</u> được uỷ quyền dự họp;</p> <p>b. <u>Trường hợp cổ đông tổ chức là người uỷ quyền</u> thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông <u>tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức</u> được uỷ quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.</p> <p>Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định <u>người</u> đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định <u>người</u> đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 0, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành</p>	
---	---	--

<p>vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
<p>Điều 16. Thay đổi các quyền 1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang</p>	<p>Điều 16. Thay đổi các quyền 1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất <u>65%</u> quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang</p>	<p>Giảm tỷ lệ cần thông qua từ 75% xuống 65%</p>

<p>bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Error! Reference source not found. và Error! Reference source not found., Điều lệ này.</p> <p>3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	<p>bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Error! Reference source not found. và Error! Reference source not found., Điều lệ này.</p> <p>3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	
<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p>	<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại <u>Đại hội đồng cổ đông</u>. <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>b. <u>Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</u></p> <p>c. <u>Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</u></p> <p>d. <u>Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</u></p> <p>e. <u>Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</u></p>	<p>Thời gian chốt danh sách cổ đông được thay đổi, gắn sát với ngày đại hội hơn.</p>

<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>f. <u>Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả cổ đông có quyền dự họp;</u></p> <p>g. <u>Các công việc khác phục vụ đại hội.</u></p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông <u>bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo họp mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</u></p> <p>a. <u>Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</u></p> <p>b. <u>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</u></p> <p>c. <u>Phiếu biểu quyết;</u></p> <p>d. <u>Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</u></p> <p>e. <u>Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</u></p>	<p>Kéo dài thời gian thông báo mời họp lên 15 ngày thay vì 10 ngày và phải bằng phương thức bảo đảm.</p>
--	--	--

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của 0 trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

d. Các trường hợp khác.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 của 0 trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

<p>thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</p>		
<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại</p>	<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. <u>Cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. <u>Cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có <u>số cổ đông dự họp đại diện</u> ít nhất 33% <u>tổng số</u> cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào <u>tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp</u>, được coi là <u>hợp lệ và có quyền quyết định</u> tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	

Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.		
<p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p>	<p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. <u>Trước khi khai mạc cuộc họp</u>, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ <u>cuộc họp</u>.</p> <p>3. Cổ đông <u>hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc</u> có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội <u>ngay sau khi đăng ký</u>. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của <u>những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi</u>.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc</p>	

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại

họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

7. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ

diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.

9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

đồng hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nói trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

<p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</p> <p>12. Hàng năm Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	
<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của 0, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên</p>	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, <u>khoản 3</u> của 0, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty</p> <p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc .</p> <p>2. <u>Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc</p>	

<p>tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>	<p>các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. <u>Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</u></p>	
<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty. Mọi vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 14 của Điều lệ này đều có thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản theo trình tự và thủ tục phù hợp với quy định của Điều lệ này. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm 	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>khi</u> xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>nghị</u> quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm 	<p>Kéo dài thời gian gửi phiếu lấy ý kiến từ 10 ngày lên 15 ngày.</p>

theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc

bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của

người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo các hình thức sau đây:

Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về công ty theo các hình thức sau đây:

a) *Gửi thư:* Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) *Gửi fax hoặc thư điện tử:* Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

<p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p> <p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p> <p>9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, <u>người kiểm phiếu</u> và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, <u>người kiểm phiếu</u> và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty <u>trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</u></p> <p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p> <p>9. <u>Nghị</u> quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Bổ sung họ tên, chữ ký của người kiểm phiếu vào biên bản kiểm phiếu và trách nhiệm liên đới của người này đối với việc kiểm phiếu</p>
<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm</p>	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p><u>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên</u></p>	<p>Bổ sung thêm các hình thức</p>

tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc; việc gửi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và

ghi lại diễn biến cuộc họp

		<p><u>thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</u></p> <p><u>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</u></p> <p><u>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</u></p> <p><u>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty</u></p>	
<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và</p>	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến <u>cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp <u>hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</u> không thực hiện đúng theo quy định</p>	<p>Bổ sung đối tượng được yêu cầu xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ</p>	

	<p>Điều lệ công ty;</p> <p>2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.</u></p> <p>2. Nội dung <u>ngợi</u> quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>Trường hợp <u>ngợi</u> quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	
8	CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
		<p><u>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</u></p> <p>1. <u>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <u>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</u> <u>b. Trình độ học vấn;</u> <u>c. Trình độ chuyên môn;</u> <u>d. Quá trình công tác;</u> 	

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội

		<p><u>đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</u></p>	
	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị gồm năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08)</p>	<p>Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị gồm năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. <u>Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</u> Tổng số thành viên <u>độc lập</u> Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	

<p>ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. <u>Có đơn từ chức;</u></p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, <u>trừ trường hợp bất khả kháng;</u></p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>f. <u>Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>g. <u>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u></p>	<p>Bổ sung trường hợp ứng viên HĐQT cung cấp thông tin sai</p>
---	---	--

<p>5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p> <p>6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</p>	<p>4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị <u>phải được công bố thông tin</u> theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là <u>cổ đông</u> của Công ty.</p>	<p>Bổ quy định bổ nhiệm thành viên HĐQT tạm thời</p>
---	--	--

	<p>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;</p> <p>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;</p> <p>f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng</p>	<p>Điều 26. Quyền hạn và <u>nghĩa vụ</u> của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền <u>và nghĩa vụ</u> của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định <u>chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn</u> và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Bổ nhiệm và <u>miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng</u> đối với Tổng giám đốc, <u>người điều hành khác</u> và quyết định mức lương của họ;</p> <p>d. <u>Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;</u></p> <p>e. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, <u>việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</u></p> <p>f. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với <u>người điều hành doanh nghiệp</u> cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên</p>	

<p>số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;</p> <p>i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>j. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;</p> <p>k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty</p>	<p>quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>g. <u>Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</u></p> <p>h. <u>Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</u></p> <p>i. <u>Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</u></p> <p>j. <u>Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</u></p> <p>k. Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>m. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;</p> <p>n. <u>Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>o. <u>Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</u></p> <p>p. <u>Các quyền và nghĩa vụ khác;</u></p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập các chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản</p>	<p>Theo quy định mới tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP</p>
--	--	--

<p>uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f. Quyết định các khoản đầu tư, các hợp đồng mua bán tài sản của doanh nghiệp có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</p> <p>j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.</p>	<p><u>2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty;</u></p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f. <u>Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách từ 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</u></p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền <u>trong đợt</u> phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc công ty mua <u>lại</u> hoặc thu hồi không quá 10% <u>tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;</u></p> <p>j. Quyết định giá mua <u>lại</u> hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát</p>	<p>Quy định mới tại điều lệ mẫu</p>
---	---	-------------------------------------

<p>Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p> <p>8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng</p>	<p>của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p> <p>7. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. <u>Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;</u></p> <p>8. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những</p>	<p>Thù lao của HĐQT phải được thể hiện thành mục riêng trong BCTC hàng năm</p>
--	--	--

	<p>một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p>	<p>công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p>	
	<p>Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng</p>	<p>Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị, chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u>; đồng thời có những quyền và <u>nghĩa vụ khác</u> quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính</p>	<p>Bỏ quy định xin ý kiến ĐHĐCĐ việc chủ tịch HĐQT kiêm TGD vì Nghị định 71 đã có lộ trình đến 01/8/2020 không cho phép chủ tịch HĐQT công ty đại chúng được kiêm nhiệm TGD</p>

	<p>năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p> <p>5. Giữa các kỳ họp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt cho Hội đồng quản trị trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc, giám sát các hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác.</p>	<p>năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị</u>. Trường hợp Chủ tịch hội đồng quản trị từ chức hoặc bị <u>bãi miễn</u>, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p> <p>5. Giữa các kỳ họp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt cho Hội đồng quản trị trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc, giám sát các hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác.</p>	
	<p>Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không phải người được uỷ nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định anh ta là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định anh ta không có mặt, và được uỷ quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy</p>		<p>Điều lệ mẫu không có quy định này</p>

<p>nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.</p> <p>3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.</p> <p>4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p> <p>5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.</p>		
<p>Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể</p>	<p>Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội</u></p>	

<p>từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác; Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát. <p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 0, Điều lệ này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức</p>	<p><u>đồng quản trị nhiệm kỳ đó.</u> Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất <u>hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất</u> thì các thành viên bầu <u>theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</u></p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị <u>định kỳ và bất thường</u>, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét cần thiết, mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần <u>thảo luận</u>:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; <u>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị</u>; Ban kiểm soát. <p>4. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này.</u> Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc</p>	<p>Quy định mới, thể hiện vai trò của thành viên độc lập</p> <p>Rút ngắn thời gian từ 15 ngày xuống 7 ngày.</p>
---	---	---

<p>cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 0, Điều lệ này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bu rơ điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư</p>	<p>họp được nêu tại khoản 3 Điều này <u>có quyền</u> triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của <u>công ty</u> kiểm toán độc lập <u>thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty</u>, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại <u>trụ sở chính</u> của Công ty <u>hoặc tại địa điểm khác</u> ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị <u>và các kiểm soát viên</u> ít nhất năm (05) ngày <u>làm việc</u> trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể <u>được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó</u>. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, <u>nội dung các vấn đề thảo luận</u>, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và <u>phiếu biểu quyết</u> của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bu rơ điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và <u>các Kiểm soát viên</u> được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội</p>	<p>Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các kiểm soát viên</p>
--	--	--

<p>(3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) <u>nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</u></p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn <u>bảy (7) ngày</u> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập <u>lần thứ hai</u> được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. <u>Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</u></p> <p>a. <u>Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</u></p> <p>b. <u>Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</u></p> <p><u>Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, , hoặc là địa điểm có mặt Chủ toạ cuộc họp.</u></p> <p>10. <u>Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và</u></p>	<p>Rút ngắn thời gian từ 15 ngày xuống 7 ngày</p>
--	--	---

<p>9. Biểu quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại Khoản 9b 0, Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại Khoản 9d 0, Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một</p>	<p><u>phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</u></p> <p>11. Biểu quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại <u>điểm b khoản 11 Điều này</u>, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền quy định tại <u>khoản 8 Điều này</u> trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào <u>tỷ lệ thành viên</u> tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại <u>điểm d khoản 11 Điều này</u>, khi có vấn đề phát sinh <u>tại</u> cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích <u>hoặc quyền biểu quyết</u> của thành viên Hội đồng quản trị mà <u>thành viên đó không</u> tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, <u>phán quyết của chủ tọa là phán quyết cuối cùng</u>, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một</p>	
---	---	--

hợp đồng được quy định tại 0.5a và 0.5b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan...

11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng

hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 39 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên,

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về

<p>cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</p> <p>15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>16. Giá trị pháp lý của hành động. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p>	<p>nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. <u>Biên bản phải có chữ ký của chủ toạ và người ghi biên bản.</u></p>	<p>Biên bản họp HĐQT chỉ yêu cầu có chữ ký của chủ toạ và người ghi biên bản</p>
--	---	--

		<p>Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. <u>Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển nhân sự, lương thưởng, kiểm soát nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoat động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p>2. <u>Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</u></p>	
		<p>Điều 30. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. <u>Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</u></p> <p>2. <u>Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau</u></p> <ol style="list-style-type: none"> a. <u>Có hiểu biết về pháp luật;</u> b. <u>Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm</u> 	<p>Quy định mới tại Nghị định 71. Người phụ trách quản trị có thể kiêm nhiệm Thư ký công ty</p>

toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của

		<u>pháp luật và Điều lệ công ty.</u>	
9	CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	<u>CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</u>	
	<p>Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.</p>	<p>Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và <u>chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.</u> Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được <u>thông qua</u> bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p>	
	<p>Điều 30. Cán bộ quản lý</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc điều hành.</p>	<p>Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng <u>người điều hành khác</u> với số lượng và <u>tiêu chuẩn</u> phù hợp với cơ cấu và <u>quy chế</u> quản lý của công ty do Hội đồng quản trị quy định. <u>Người điều hành doanh nghiệp</u> phải có <u>trách nhiệm</u> mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra <u>trong hoạt động và tổ chức.</u></p> <p>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những <u>người điều hành khác</u> do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.</p>	Thay thuật ngữ “cán bộ quản lý” bằng “người điều hành doanh nghiệp”
	Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền	Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền	

<p>hạn của Tổng Giám đốc điều hành</p> <p>1. Bỏ nhiệm. Hội đồng quản trị bỏ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty..</p> <p>2. Nhiệm kỳ. Theo 0 của Điều lệ này, Tổng Giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của, Tổng giám đốc điều hành là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p> <p>3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm</p>	<p>hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>1. Bỏ nhiệm. Hội đồng quản trị bỏ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định tiền lương, thù lao và lợi ích khác. <u>Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc</u> phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, <u>được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu</u> trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc <u>không quá năm (05)</u> năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này <u>và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p> <p>3. Tổng Giám đốc có các quyền hạn và <u>nghĩa vụ</u> sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có <u>quyết định</u> của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị <u>với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</u></p>	<p>Nhiệm kỳ TGD không quá 5 năm, thay vì 3 năm</p>
---	---	--

hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.

f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

<p>i. Quyết định các khoản đầu tư, các hợp đồng mua bán tài sản của doanh nghiệp có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.</p>	<p>j. Quyết định các khoản đầu tư, các hợp đồng mua bán tài sản của doanh nghiệp có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể <u>miễn nhiệm</u> Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị <u>có quyền biểu quyết dự họp tán thành</u> và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.</p>	
<p>Điều 32. Thư ký Công ty</p> <p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý, Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <p>a. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>d. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp</p>	<p>Điều 34. Thư ký Công ty</p> <p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý, Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <p>a. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>d. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp</p>	<p>Điều lệ mẫu không còn quy định Thư ký công ty. Tuy nhiên vì Thông tư 155 về công bố thông tin vẫn đề cập tới vị trí này nên Điều lệ giữ nguyên quy định cũ. Thư ký công ty có thể được kiêm nhiệm bởi Người quản trị công ty vì chức năng, nhiệm vụ tương tự nhau.</p>

	<p>e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty</p>	<p>e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
10	CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT	CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	
		<p><u>Điều 35. Ứng cử, đề cử kiểm soát viên</u></p> <p>1. <u>Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.</u></p> <p>2. <u>Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u></p>	
	<p>Điều 36. Kiểm soát viên</p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) thành viên. Các Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm</p>	<p>Điều 36. Kiểm soát viên</p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. <u>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</u></p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p>	

<p>soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông. <p>2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>4. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá năm (05) năm;</p>	<p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>3. <u>Các kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</u> Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông. 	
--	--	--

<p>Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>5. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;</p> <p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>4. <u>Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</u></p> <p>a. <u>Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>b. <u>Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></p> <p>c. <u>Có đơn từ chức và được chấp thuận;</u></p> <p>d. <u>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</u></p> <p>5. <u>Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</u></p> <p>a. <u>Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</u></p> <p>b. <u>Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</u></p> <p>c. <u>Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>d. <u>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</u></p>	
<p>Điều 37. Ban kiểm soát</p> <p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan;</p>	<p>Điều 37. Ban kiểm soát</p> <p>1. <u>Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</u></p> <p>a. <u>Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;</u></p>	

<p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý;</p> <p>e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p> <p>g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p> <p>2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về</p>	<p>b. <u>Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</u></p> <p>c. <u>Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</u></p> <p>d. <u>Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</u></p> <p>e. <u>Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</u></p> <p>f. <u>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u></p> <p>2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải <u>cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội</u></p>	
---	---	--

	<p>các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.</p> <p>4. Mức thù lao của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	<p><u>đồng quản trị.</u></p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số kiểm soát viên trở lên dự họp.</p> <p>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	
11	CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
	<p>Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	<p>Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và <u>người điều hành khác</u> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.</p>	
	<p>Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không</p>	<p>Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. <u>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác</u> phải công khai</p>	

<p>được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc</p>	<p><u>các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</u></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>4. <u>Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan</u> tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ</p>	<p>Các công ty hoạt động theo mô hình mẹ-con, tập đoàn được cho vay, bảo lãnh cho nhau</p>
---	--	--

những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng

<p>hay các cổ đông cho phép thực hiện. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
<p>Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy</p>	<p>Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, <u>kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác</u>, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, <u>người điều hành doanh nghiệp</u>, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không <u>mâu thuẫn</u> với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p>	<p>Bổ sung kiểm soát viên, tổng giám đốc có thể được công ty bồi thường</p>

	<p>quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, <u>người điều hành khác</u>, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	
12	CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	
	<p>Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Error! Reference source not found.2 và Error! Reference source not found.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm</p>	<p>Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại <u>khoản 2 Điều 24</u> của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các <u>tài liệu</u> này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản</p>	

	<p>theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị. các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.</p>	<p>sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc <u>và người điều hành khác</u> có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị. các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các <u>tài liệu</u> này.</p> <p>4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên <u>trang thông tin điện tử</u> của công ty.</p>	
13	CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	
	<p>Điều 39. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>1. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.</p>	<p>Điều 42. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động <u>nghỉ việc, tiền lương</u>, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và <u>người điều hành doanh nghiệp</u>.</p>	

	<p>2. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	
14	<p>CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN</p>	<p>CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</p>	
	<p>Điều 40. Phân phối lợi nhuận</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p> <p>2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.</p> <p>3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không</p>	<p>Điều 43. Phân phối lợi nhuận</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p> <p>2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không</p>	<p>Bỏ quy định HĐQT được quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ</p>

	<p>phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p> <p>6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p>phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p> <p>5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	
15	CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	
	<p>Điều 41. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.</p>	<p>Điều 44. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty mở tài khoản tại <u>các</u> ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.</p>	

	<p>Điều 42. Năm tài chính</p> <p>Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.</p>	<p>Điều 45. Năm tài chính</p> <p><u>Năm tài chính</u> của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.</p>	
	<p>Điều 43. Hệ thống kế toán</p> <p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	<p>Điều 46. <u>Chế độ kế toán</u></p> <p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), <u>chế độ kế toán doanh nghiệp</u> hoặc chế độ kế toán đặc <u>thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được</u> Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán <u>theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan</u>. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. <u>Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</u></p>	
16	CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, <u>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</u> VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	
	Điều 44. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý	Điều 47. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài

		<u>chính quý</u> trong giờ làm việc tại <u>trụ sở chính</u> của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	
	Điều 45. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	<u>Điều 48. Báo cáo thường niên</u> Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	
17	CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	
	Điều 46. Kiểm toán 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. 2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. 3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. 4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và	Điều 49. Kiểm toán 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán <u>báo cáo tài chính</u> của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. 2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. 4. Kiểm toán viên <u>độc lập</u> thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ	

	được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.	đồng và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán <u>báo cáo tài chính</u> năm của Công ty.	
18	CHƯƠNG XVII. CON DẤU	CHƯƠNG XVII. CON DẤU	
	<p>Điều 47. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p> <p>2. Con dấu là tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp cần thiết, được sự đồng ý của Cơ quan cấp dấu, Công ty có thể có con dấu thứ hai.</p>	<p>Điều 50. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và <u>Điều lệ công ty</u>.</p> <p>2. Con dấu là tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
19	CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	
	<p>Điều 48. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời</p>	<p>Điều 51. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;;</p> <p>b. <u>Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u>;</p> <p>c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	

<p>hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>		
<p>Điều 49. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông</p> <p>Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động. 2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị. 3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông. 		<p>Điều lệ mẫu không quy định</p>
<p>Điều 50. Gia hạn hoạt động</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có 		<p>Điều lệ 2018 đã quy định thời hạn hoạt động của công ty là vô thời hạn</p>

<p>từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>		
<p>Điều 51. Thanh lý</p> <p>1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Các chi phí thanh lý; b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên; c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước; d. Các khoản vay (nếu có); e. Các khoản nợ khác của Công ty; 	<p>Điều 52. Thanh lý</p> <p>1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Các chi phí thanh lý; b. <u>Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</u> c. <u>Nợ thuế;</u> d. Các khoản nợ khác của Công ty; e. <u>Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản</u> 	

	f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.	nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi <u>được</u> ưu tiên thanh toán trước.	
20	CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	
	<p>Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Cổ đông với Công ty; b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp <p>Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải</p>	<p>Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, <u>các quy định pháp luật khác</u>, Điều lệ công ty, các quy định giữa:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Cổ đông với Công ty; b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám hay <u>người điều hành khác</u>; <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các <u>thông tin</u> liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập <u>làm trung gian hoà giải</u> cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải</p>	

	<p>hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.</p>	<p>hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.</p>	
21	CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	
	<p>Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</p> <p>1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty .</p>	<p>Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</p> <p>1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty .</p>	
22	CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	
	<p>Điều 54. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 55 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn nhất trí thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2013, sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 26/06/2014, lần 2 ngày 28/4/2016 tại trụ sở Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau,</p>	<p>Điều 55. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 56 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên <u>năm 2018</u> Công ty cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ <u>ngày 24 tháng 04 năm 2018</u>. <u>Các bản Điều lệ, Điều lệ sửa đổi, bổ sung trước đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Điều lệ này có hiệu lực.</u></p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau,</p>	

<p>trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.</p>	<p>trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn. c. Bốn (04) bản lưu trữ tại <u>trụ sở chính</u> của Công ty <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
<p>Điều 55. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.</p>	<p>Điều 56. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tổng giám đốc</p> <p>Vũ Phi Hồ</p>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 10 /TTr – HĐQT

Bắc Kạn, ngày 09 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua Quy chế quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét thông qua Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (đính kèm dự thảo Quy chế).

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- BTGD;
- CVP; TKCT;
- Lưu: VP;



Vũ Phi Hồ

QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp của Công ty trong quản trị Công ty; báo cáo và công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

- Cổ đông; Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;
- Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Chữ viết tắt:

- “Điều lệ” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- “Công ty” là Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “ĐHĐCD” là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;
- “Hội đồng quản trị” hoặc “HQQT” là Hội đồng quản trị của Công ty;
- “Ban kiểm soát” hoặc “BKS” là Ban kiểm soát của Công ty.

2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - + Bảo đảm cơ cấu quản trị hợp lý;
 - + Bảo đảm hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;
 - + Bảo đảm quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - + Bảo đảm đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - + Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.
- “Công ty đại chúng” là Công ty cổ phần được quy định tại khoản 1, điều 25 Luật Chứng khoán;
- “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác theo quy định của Điều lệ;
- “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” (sau đây gọi là Thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2, Điều 151 Luật Doanh nghiệp;
- Người phụ trách quản trị Công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;
- Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17, Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34, Điều 6 Luật Chứng khoán;

3. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị Công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập ĐHCĐ phải xác định ngày đăng ký cuối cùng để làm cơ sở lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Công ty phải công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập (theo danh sách do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp) không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo triệu tập họp ĐHCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Điều lệ và quy định của pháp luật. Thông báo họp mời họp được đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đăng ký tham dự họp ĐHCĐ theo các cách thức đã ghi trong thông báo mời họp.

2. Cổ đông có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Việc ủy quyền được thực hiện theo Điều 15 Điều lệ.

3. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký.

Điều 7. Cách thức biểu quyết, bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu trong Đại hội đồng cổ đông

Việc biểu quyết, bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu trong ĐHCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ, Quy chế làm việc của ĐHCĐ và quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản cuộc họp ĐHCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9. Công bố Biên bản, Nghị quyết

Biên bản, Nghị quyết ĐHCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều 22 Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 10. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Công ty có thể lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Việc ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ và các quy định pháp luật.

Điều 11. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trình tự, thủ tục phản đối Nghị quyết của ĐHĐCĐ thực hiện theo các quy định tại Điều 22, 23 Điều lệ và quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông có quyền yêu cầu thư ký cuộc họp ghi lại ý kiến phản đối vào Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ khi Biên bản được công bố tại cuộc họp hoặc gửi văn bản phản đối đến HĐQT trong vòng 10 ngày kể từ ngày Biên bản được gửi cho các cổ đông hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều-11 Điều lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc kể từ ngày Biên bản được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ sẽ do người yêu cầu chi trả.

3. Trong mọi trường hợp Nghị quyết vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác.

3. Kể từ sau ngày 01/8/2019 thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác.

Điều 13. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ, Quy chế đề cử và ứng cử thành viên HĐQT của Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ và quy chế này. Trong trường hợp này, các thành viên

HĐQT đương nhiệm có quyền đề cử ứng cử viên đạt đủ các tiêu chuẩn thành viên HĐQT theo quy chế này, Điều lệ và pháp luật có liên quan. HĐQT sau đó sẽ tiến hành biểu quyết theo nguyên tắc quá bán để chọn ra ứng viên có đủ điều kiện trình ĐHCĐ quyết định.

Điều 14. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 25 Điều lệ.
2. Trường hợp thành viên HĐQT có đơn từ chức hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên HĐQT thì người quản trị Công ty sẽ thụ lý việc xem xét và trình HĐQT quyết định. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chỉ có hiệu lực khi có Nghị quyết bằng văn bản của HĐQT.
3. Những trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác quy định tại Điều 25 Điều lệ chỉ được thực hiện khi có Nghị quyết của ĐHCĐ.

Điều 16. Thông báo về việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT thông báo đến HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các cán bộ quản lý của Công ty; phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. HĐQT có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. HĐQT chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.

Điều 18. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm đưa ra ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp HĐQT hoặc khi lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đầy đủ cho HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty. Các thành viên HĐQT và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Hợp Hội đồng quản trị

1. HĐQT tổ chức họp theo quy định tại Điều 28 Điều lệ.
2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Việc ủy quyền phải bằng văn bản và thông báo tới tất cả các thành viên HĐQT trước khi diễn ra cuộc họp. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.

3. Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự cuộc họp. Việc ủy quyền được thực hiện bằng văn bản và gửi tới Chủ tịch HĐQT trước khi cuộc họp diễn ra. Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người không phải là thành viên HĐQT dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT còn lại chấp thuận.

4. Khi xét thấy cần thiết, người triệu tập họp HĐQT có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp HĐQT. Những người được mời họp có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu nhưng không được biểu quyết.

5. Thông báo mời họp và các tài liệu liên quan tới cuộc họp phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và BKS ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp trong cuộc họp đa số thành viên HĐQT không có ý kiến đề nghị tổ chức họp lại vì lý do thông báo mời họp, các tài liệu không được chuyển đến đúng hạn.

6. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến theo khoản 9 Điều 28 Điều lệ;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 20. Biên bản và Nghị quyết của cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Biên bản họp HĐQT được lập theo quy định tại Điều 28 Điều lệ, Điều 154 Luật Doanh nghiệp và được thông qua tại cuộc họp.

2. Nghị quyết của cuộc họp được thông qua theo nguyên tắc đa số theo quy định tại Điều 28 Điều lệ.

3. Trên cơ sở Biên bản cuộc họp, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết HĐQT.

4. Công ty phải thông báo các Nghị quyết của HĐQT cho các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp trong vòng 48 giờ kể từ ngày Nghị quyết được thông qua. Nghị quyết HĐQT được công bố thông tin ra công chúng theo các quy định của pháp luật.

Điều 21. Nghị quyết HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Giữa các kỳ họp, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản theo hình thức gửi thư thường hoặc thư điện tử (email). Trong thời hạn tối đa hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thư và đầy đủ tài liệu liên quan thành viên HĐQT có trách nhiệm đưa ra ý kiến biểu quyết. Việc gửi ý kiến trả lời có thể được thực hiện dưới các hình thức:

- Thư tín: gửi chuyển phát nhanh đến văn phòng Công ty

- Fax: Gửi theo số fax của văn phòng Công ty.

- Email: thành viên HĐQT phải gửi ý kiến biểu quyết qua hộp thư đăng ký chính thức của mình về địa chỉ email của Người quản trị Công ty/Thư ký Công ty hoặc địa chỉ email khác do HĐQT thông báo vào từng thời điểm.

2. Người quản trị Công ty/Thư ký Công ty có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và báo cáo Chủ tịch HĐQT. Biên bản tổng hợp ý kiến các thành viên HĐQT phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT và thư ký Công ty. Văn bản hoặc bản in ý kiến thành viên HĐQT từ email người nhận phải được đính kèm với Biên bản tổng hợp ý kiến.

Điều 22. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. HĐQT có thành lập các tiểu ban theo quy định tại Điều 29 Điều lệ.

2. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban.

Điều 23. Người phụ trách quản trị Công ty

1. HĐQT bổ nhiệm ít nhất một người làm người quản trị Công ty. Người quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

2. Tiêu chuẩn, quyền hạn và nghĩa vụ của người quản trị Công ty thực hiện theo Điều 30 Điều lệ.

3. Người quản trị Công ty được hưởng thù lao theo quyết định của HĐQT.

CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

Thành viên BKS phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 36 Điều lệ, khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

Điều 25. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên BKS được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ, Quy chế đề cử và ứng cử thành viên BKS của Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ và quy chế này. Trong trường hợp này, các thành viên BKS đương nhiệm có quyền đề cử ứng cử viên đạt đủ các tiêu chuẩn thành viên BKS theo quy chế này, Điều lệ và pháp luật có liên quan. BKS sau đó sẽ tiến hành biểu quyết theo nguyên tắc quá bán để chọn ra ứng viên có đủ điều kiện trình ĐHCĐ quyết định.

Điều 26. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Việc biểu quyết bầu thành viên BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Điều 27. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 36 Điều lệ.

2. Trường hợp thành viên BKS có đơn từ chức thì BKS sẽ quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận. Việc miễn nhiệm chỉ có hiệu lực khi có quyết định bằng văn bản của BKS.

3. Những trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác quy định tại Điều 36 Điều lệ chỉ được thực hiện khi có Nghị quyết của HĐQT.

Điều 28. Thông báo về việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát
Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên BKS phải thông báo tới HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, cán bộ quản lý của Công ty và được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. BKS có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. BKS có trách nhiệm xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.

Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên BKS có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Ngoài các quyền và trách nhiệm theo khoản 3 Điều 36 Điều lệ, Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:

- Chuẩn bị và triệu tập cuộc họp BKS; ký biên bản họp, nghị quyết cuộc họp của BKS

- Có quyền đại diện BKS hoặc phân công thành viên khác tham gia họp với HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc bên thứ ba;

- Bỏ phiếu quyết định các cuộc họp xảy ra tình trạng phiếu bầu ngang bằng nhau.

CHƯƠNG V. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 31. Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

HĐQT thống nhất và công bố các tiêu chuẩn năng lực về lựa chọn người điều hành doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT. Các tiêu chuẩn năng lực do HĐQT quyết định phải phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định quản lý nội bộ về nhân sự của Công ty.

Điều 32. Tổng Giám đốc

Các vấn đề liên quan tới chức danh Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều 33 Điều lệ.

Từ ngày 01/08/2020 Tổng Giám đốc không được đồng thời là chủ tịch HĐQT.

Điều 33. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng, bổ nhiệm người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

Điều 34. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Sau khi có quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch HĐQT ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) với Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động với những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thông qua HĐQT.

Điều 35. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp

HĐQT quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

- Có đơn từ chức hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty.
 - Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ.
 - Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.
 - Không hoàn thành công việc hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty
- Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm phải tuân thủ quy định của Điều lệ, pháp luật lao động.

Điều 36. Thông báo bổ nhiệm, miễn người điều hành doanh nghiệp

Công ty phải thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp tới HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, phòng ban trong nội bộ Công ty và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 37. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS

- a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT.
- b. Các Nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ.
- c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ.
- d. Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ.
- e. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT hoặc các vấn đề HĐQT phải trình ĐHĐCĐ, HĐQT sẽ quyết định trước khi có ý kiến của BKS. Quyết định của HĐQT không phụ thuộc vào ý kiến của BKS; trong trường hợp ý kiến không thống nhất, ý kiến của BKS sẽ được bảo lưu giải quyết theo các quy định tại Quy chế này và Điều lệ.
- f. HĐQT, thành viên HĐQT phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, kiểm soát viên.

2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT

- a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
- b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;
- c. Khi thấy cần thiết phục vụ cho công việc giám sát của mình, Trưởng BKS có quyền tham dự hoặc cử thành viên BKS tham dự các cuộc họp của HĐQT; trong cuộc họp có quyền thảo luận đóng góp ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết.
- c. Trường hợp phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ của các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác thì BKS phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc

phục hậu quả, đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ. Sau thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo nếu HĐQT, Tổng Giám đốc không xử lý kịp thời thì BKS có quyền triệu tập họp HĐQT để giải quyết. Nếu vấn đề vẫn không được HĐQT giải quyết thì BKS báo cáo với ĐHĐCĐ trong kỳ họp gần nhất hoặc trong trường hợp cần thiết có thể yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường để giải quyết vấn đề trên.

d. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

e. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất năm (05) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. HĐQT, thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty.

2. HĐQT quyết định đánh giá, kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc trong các buổi họp HĐQT.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Cụ thể:

- Từ chối thực hiện những quyết định, yêu cầu của HĐQT, thành viên HĐQT nếu thấy vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đồng thời có trách nhiệm báo cáo ngay với HĐQT, BKS.

- Khi thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, phát hiện các vấn đề không có lợi cho Công ty thì phải báo cáo ngay cho HĐQT để xem xét điều chỉnh Nghị quyết, Quyết định. Nếu HĐQT không điều chỉnh thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên BKS.

- Ngoài những công việc phải trình HĐQT, Tổng Giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo các quy định tại Điều lệ, quy trình làm việc được HĐQT ban hành; được quyền quyết định các biện pháp xử lý vượt thẩm quyền trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn, sự cố... nhưng phải thông báo ngay cho Chủ tịch HĐQT.

4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo lập báo cáo cho HĐQT định kỳ hàng tháng, quý, sáu tháng, năm về tình hình hoạt động và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty.

5. Tổng Giám đốc được quyền đề nghị triệu tập họp HĐQT để xin ý kiến HĐQT quyết định các vấn đề ngoài thẩm quyền quyết định của Tổng Giám đốc.

6. Những nội dung Tổng Giám đốc cần xin ý kiến HĐQT phải được gửi trước ít nhất năm (05) ngày làm việc so với ngày dự kiến nhận được phản hồi.

7. Trường hợp Tổng Giám đốc không phải là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc có thể được mời dự họp, có quyền được thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm.

2. Ban kiểm soát, kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty.

2. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ, BKS phải thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng 48 tiếng, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ.

Điều 40. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. HĐQT, thành viên HĐQT, BKS, Kiểm soát viên được quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, những người quản lý các đơn vị, phòng ban trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty theo các quy định tại Quy chế này và Điều lệ.

2. Khi có nhu cầu về thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty, ngoài các thông tin, tài liệu đã được Công ty công khai hoặc đã được gửi trong các cuộc họp hoặc gửi theo định kỳ, những người yêu cầu phải gửi phiếu yêu cầu bằng văn bản hoặc thư điện tử cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS, Tổng Giám đốc và người được yêu cầu ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày dự kiến được cung cấp. Phiếu yêu cầu phải nêu rõ danh mục và dạng lưu trữ thông tin, tài liệu, thời gian cung cấp, địa chỉ tiếp nhận và mục đích sử dụng thông tin, tài liệu được yêu cầu.

3. Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS được quyền trao đổi với thành viên HĐQT, kiểm soát viên có nhu cầu về nội dung phiếu yêu cầu và cách thức bảo mật thông tin, tài liệu được yêu cầu.

4. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo phiếu yêu cầu đồng thời đề nghị người yêu cầu kiểm tra, ký và gửi lại phiếu giao nhận thông tin. Ngay sau khi hoàn thành việc cung cấp thông tin, người được yêu cầu phải thông báo cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS và Tổng Giám đốc về danh mục, trích yếu nội dung, hình thức lưu trữ của thông tin, tài liệu đã cung cấp, thời gian và địa điểm cung cấp và bản sao phiếu giao nhận thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được phiếu này từ người yêu cầu cung cấp thông tin.

5. HĐQT, thành viên HĐQT, BKS, Kiểm soát viên phải tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin của Công ty khi đến các địa điểm làm việc của Công ty, tiếp xúc và trao đổi, làm việc với bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc, tham gia các cuộc họp của Tổng Giám đốc với bộ máy giúp việc và tiếp nhận các thông tin, tài liệu được cung cấp.

Điều 41. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

1. HĐQT và BKS tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng và kỷ luật của từng thành viên HĐQT và trình lên ĐHĐCĐ.

2. BKS tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng và kỷ luật của từng thành viên BKS và trình lên ĐHĐCĐ.

3. HĐQT và BKS tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác và trình lên ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Sửa đổi, bổ sung

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được HĐQT đề xuất, trình ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 43. Hiệu lực

Quy chế này gồm 7 Chương, 43 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/4/2018.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Phi Hồ



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017

Tháng 03 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Phi Hồ
Ông Đinh Văn Hiến
Ông Mai Thanh Sơn
Ông Nguyễn Huy Hoàn
Ông Nguyễn Trần Nhất

Chức vụ

Chủ tịch
Uỷ viên
Uỷ viên
Uỷ viên
Uỷ viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Phi Hồ
Ông Đinh Văn Hiến
Ông Nguyễn Trần Nhất
Ông Nguyễn Tiến Biên
Ông Vũ Gia Hạnh
Ông Nguyễn Văn Chi

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/05/2017)
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22/06/2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty,



Vũ Phi Hồ
Tổng Giám đốc
Bắc Kạn, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Số: 143 /VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tuy nhiên một số mã hàng tồn kho là nguyên vật liệu của Công ty chưa thực hiện kiểm kê với giá trị là 2.790.464.369 đồng. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh số dư liên quan đến hàng tồn kho và các khoản mục có liên quan trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa thu thập đầy đủ thư xác nhận số dư công nợ của các khoản phải trả như sau: số dư phải trả người bán chưa có đối chiếu xác nhận là: 10.678.795.402 đồng (chiếm 56%), số dư phải trả khác chưa có đối chiếu xác nhận là: 5.194.520.412 đồng (chiếm 34%). Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế, nên chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Căn cứ Biên bản họp của Đại Hội đồng cổ đông số 09/BB-HĐCD ngày 13 tháng 04 năm 2017 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào xác định Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào có thể bán với số tiền là 600.000 USD; theo đó, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào với số tiền là 1.598.235.820 đồng; Ngoài Biên bản này, chúng tôi không thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào và các bằng chứng nào, nên chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính liên quan đến giá trị dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn, chi phí tài chính và các khoản mục liên quan khác cho các năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017 hay không. Giá gốc của khoản đầu tư đang được ghi nhận trên báo cáo tài chính tài thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền là 4.730.835.820 đồng.

Theo báo cáo tài chính của công ty con - Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung, chúng tôi không thu thập được bằng chứng kiểm toán cần thiết của một số khoản mục để đánh giá ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất, như: (i) Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn có tổng giá trị là 4,85 tỷ đồng; và (ii) Công trình xây dựng cơ bản dở dang tồn đọng với giá trị 778 triệu đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác; số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác, báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần. Riêng báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất không có số liệu so sánh do Công ty chưa lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Tran Tuan Anh".

Trần Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3272-2015-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		112.422.349.989	95.727.304.934
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	16.123.152.597	8.731.369.411
1. Tiền	111		16.123.152.597	8.731.369.411
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.910.067.070	28.331.930.525
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	27.902.974.709	20.677.348.598
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.255.960.615	2.440.437.147
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.292.821.971	5.600.600.549
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(5.541.690.225)	(4.315.413.009)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	3.928.957.240
III. Hàng tồn kho	140	10	56.726.901.462	48.743.788.288
1. Hàng tồn kho	141		60.602.536.825	49.054.294.443
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.875.635.363)	(310.506.155)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.662.228.860	9.920.216.710
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	9.895.532.832	9.416.859.580
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		989.197.726	286.282.001
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	777.498.302	213.075.129
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	4.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		154.262.226.689	170.330.962.975
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.538.317.663	1.432.217.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	1.538.317.663	1.432.217.000
II. Tài sản cố định	220		107.650.794.299	54.419.564.305
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	106.915.684.133	53.617.782.533
- Nguyên giá	222		193.993.044.606	133.486.064.798
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(87.077.360.473)	(79.868.282.265)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	735.110.166	801.781.772
- Nguyên giá	228		2.213.482.799	2.085.463.086
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.478.372.633)	(1.283.681.314)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	23.516.976.738	92.204.505.660
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		23.516.976.738	92.204.505.660
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	14.752.365.200	17.150.251.895
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.132.600.000	4.730.835.820
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		13.365.416.075	13.365.416.075
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.745.650.875)	(946.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.803.772.789	5.124.424.115
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	6.803.772.789	4.251.750.365
2. Lợi thế thương mại	269		-	872.673.750
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		266.684.576.678	266.058.267.909

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		115.533.274.274	115.058.580.921
I. Nợ ngắn hạn	310		112.143.399.274	110.840.580.921
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	19.141.322.385	14.584.778.515
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		637.775.688	7.547.399.505
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	4.607.874.788	5.838.313.586
4. Phải trả người lao động	314		6.683.229.048	7.209.165.432
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		120.868.740	651.934.595
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	15.065.717.849	21.696.025.316
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	65.810.070.026	53.231.707.848
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	4.715.374
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		76.540.750	76.540.750
II. Nợ dài hạn	330		3.389.875.000	4.218.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	18.000.000	18.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	3.371.875.000	4.200.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		151.151.302.404	150.999.686.988
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	151.151.302.404	150.999.686.988
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		117.377.280.000	117.377.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		117.377.280.000	117.377.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.052.895.190	17.052.895.190
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.574.071.618	13.400.707.544
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.147.055.596	2.150.989.001
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.856.555.843)	(451.132.330)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.003.611.439	2.602.121.331
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		-	1.017.815.253
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		266.684.576.678	266.058.267.909



Vũ Phi Hồ
Tổng Giám đốc
Bắc Kạn, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Trần Thị Yến
Kế toán trưởng

Trần Thị Tuyết
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		182.920.006.383	154.082.535.912
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	182.920.006.383	154.082.535.912
4. Giá vốn hàng bán	11	23	155.362.350.030	133.681.890.767
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		27.557.656.353	20.400.645.145
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		18.395.499	27.291.509
7. Chi phí tài chính	22	25	7.388.935.015	9.245.933.195
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.991.048.320	4.993.422.566
8. Lãi/(Lỗ) từ công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	16.392.059.797	12.227.400.913
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - 26}	30		3.795.057.040	(1.045.397.454)
11. Thu nhập khác	31	27	5.475.410.646	5.001.870.715
12. Chi phí khác	32	28	5.035.790.093	2.245.857.957
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		439.620.553	2.756.012.758
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.234.677.593	1.710.615.304
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.231.066.154	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.003.611.439	1.710.615.304
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	256	146



Vũ Phi Hồ
Tổng Giám đốc
Bắc Kạn, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Trần Thị Yên
Kế toán trưởng

Trần Thị Tuyết
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.234.677.593
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10.955.053.720
- Các khoản dự phòng	03	7.189.293.119
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(242.239.569)
- Chi phí lãi vay	06	4.991.048.320
- Các khoản điều chỉnh khác	07	112.990.505
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	27.240.823.688
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.161.104.276)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(11.548.242.382)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.214.533.726)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	13.031.022.818
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.642.982.915)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.704.983.207
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(14.936.669.062)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	483.636.364
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.628.800.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.395.499
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.063.437.199)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ đi vay	33	93.121.955.254
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(81.371.718.076)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	11.750.237.178
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	7.391.783.186
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8.731.369.411
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	16.123.152.597



Vũ Phi Hồ
Tổng Giám đốc
Bắc Kạn, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Trần Thị Yến
Kế toán trưởng

Trần Thị Tuyết
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghệ - Khoa học công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn (nay là Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Kạn), được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/04/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 28/05/2015 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1303000062 ngày 29/03/2006). Vốn điều lệ của Công ty là 117.377.280.000 đồng.

Công ty đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: BKC

Trụ sở hoạt động của Công ty tại: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Bán buôn thực phẩm; Chế biến và bảo quản rau quả; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Tái chế phế liệu; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thăm dò khai khoáng; Chung, tinh cát và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Thăm dò khoáng sản; Chung, tinh cát và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có vấn đề biến động lớn nào được đánh giá là có ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp trong năm lập báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị phụ thuộc của Công ty:

1. Xí nghiệp Khai thác khoáng sản Bằng Lăng;
2. Xí nghiệp Khai thác và Chế biến khoáng sản Chợ Đồn;
3. Xí nghiệp Khai thác mỏ Nà Duồng;
4. Xí nghiệp Khai thác mỏ Pù Sáp;
5. Chi nhánh Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tại Thái Nguyên;
6. Chi nhánh Nhà máy nước khoáng AVA;
7. Nhà máy chế biến rau quả nước giải khát Bắc Kạn;
8. Chi nhánh Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tại Hà Nội;
9. Văn phòng đại diện tại thủ đô Vientiane - Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Danh sách các Công ty con:

1. Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung.

Danh sách các Công ty liên kết:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm;
2. Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn Lào.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hình thức kế toán áp dụng

Chứng từ ghi sổ bằng phần mềm trên máy vi tính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Công ty liên doanh liên kết do Công ty đầu tư vốn;
- Các công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
- Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

3. LUẬT KẾ TOÁN MỚI

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính như trình bày tại Thuyết minh số 04.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn và báo cáo tài chính của công ty con - Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung. Các giao dịch nội bộ và công nợ nội bộ giữa Công ty với các Công ty con đã được loại trừ toàn bộ trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

- Các Công cụ tài chính không có giá niêm yết trên thị trường Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a,b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên danh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản vay, các khoản phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự; và theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; đối với hoạt động kinh doanh thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 09
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền khai thác nước khoáng và Chi phí sử dụng đất. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể:

	Thời gian sử dụng ước tính (Năm)
Quyền khai thác nước khoáng	05
Chi phí sử dụng đất	20

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (khi chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trong một năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá của cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty được phân phối theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	15.919.334.511	8.259.188.575
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	203.818.086	472.180.836
Cộng	16.123.152.597	8.731.369.411

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	10.606.518.083	1.440.238.120
Công ty cổ phần kim loại màu Bắc Bộ	9.285.095.161	-
Các đối tượng khác	1.321.422.922	1.440.238.120
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	17.296.456.626	19.237.110.478
Công ty TNHH dịch vụ ANB	7.905.000.000	9.270.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	6.501.056.006	5.005.569.860
Công ty CTĐTTM & DL Bó Nặm	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty TNHH TM Quốc tế Vũ Hoàng	-	2.071.139.998
Cộng	27.902.974.709	20.677.348.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
<i>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	2.255.960.615		2.440.437.147	
Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm khai thác mỏ	230.000.000		230.000.000	
Công ty TNHH Thanh Bình	200.000.000		200.000.000	
Các đối tượng khác	1.825.960.615		2.010.437.147	
<i>b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>	-		-	
Cộng	2.255.960.615		2.440.437.147	

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	3.292.821.971	-	5.600.600.549	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	1.000.000.000	-
Phải thu Tạm ứng của nhân viên	1.088.555.874	-	1.543.048.459	-
Phải thu khác	2.204.266.097	-	3.057.552.090	-
Công ty liên doanh kim loại màu Việt Bắc	462.590.470	-	462.590.470	-
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã - Bên liên quan	197.165.946	-	197.165.946	-
Các khoản phải thu khác	1.544.509.681	-	2.397.795.674	-
<i>b) Dài hạn</i>	1.538.317.663	-	1.432.217.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.538.317.663	-	1.432.217.000	-
Cộng	4.831.139.634	-	7.032.817.549	-

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	2.890.400.620	-	2.890.400.620	-
Các đối tượng khác	2.651.289.605	-	1.425.012.389	-
Cộng	5.541.690.225	-	4.315.413.009	-

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	60.084.140	-
Nguyên liệu, vật liệu	17.749.261.770	(155.519.774)	12.331.571.493	(310.506.155)
Công cụ, dụng cụ	2.643.618.862	-	1.793.342.448	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.305.775.885	-	4.645.123.715	-
Thành phẩm	36.884.798.439	(3.720.115.589)	30.048.219.019	-
Hàng hóa	19.081.869	-	62.992.985	-
Hàng gửi bán	-	-	112.960.643	-
Cộng	60.602.536.825	(3.875.635.363)	49.054.294.443	(310.506.155)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	44.239.420.534	79.470.431.985	7.361.850.241	481.708.569	1.932.653.469	133.486.064.798
Mua trong năm	2.750.000.000	5.830.135.100	3.003.500.001	36.363.636	-	11.619.998.737
Đầu tư XDCB hoàn thành	55.452.414.557	-	-	-	-	55.452.414.557
Thanh lý, nhượng bán	(3.159.804.911)	(480.960.980)	(2.400.445.418)	-	-	(6.041.211.309)
Tặng/Giảm khác	(362.342.364)	(142.541.813)	(10.088.000)	-	(9.250.000)	(524.222.177)
Số cuối năm	98.919.687.816	84.677.064.292	7.954.816.824	518.072.205	1.923.403.469	193.993.044.606
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	26.841.805.342	45.474.365.480	5.180.701.023	481.708.569	1.889.701.851	79.868.282.265
Khấu hao trong kỳ	4.592.990.645	5.562.938.254	593.258.502	-	11.175.000	10.760.362.401
Thanh lý, nhượng bán	(409.804.911)	(480.960.980)	(2.172.471.306)	-	-	(3.063.237.197)
Tặng/Giảm khác	(326.167.183)	(142.541.813)	(10.088.000)	-	(9.250.000)	(488.046.996)
Số cuối năm	30.698.823.893	50.413.800.941	3.591.400.219	481.708.569	1.891.626.851	87.077.360.473
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	17.397.615.192	33.996.066.505	2.181.149.218	-	42.951.618	53.617.782.533
Số cuối năm	68.220.863.923	34.263.263.351	4.363.416.605	36.363.636	31.776.618	106.915.684.133

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đem thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 37.830.092.688 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 41.938.307.972 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 54.046.721.414 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 48.560.568.823 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền khai thác	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	556.324.000	1.529.139.086	2.085.463.086
Tăng / (Giảm) khác	-	128.019.713	128.019.713
Số cuối năm	556.324.000	1.657.158.799	2.213.482.799
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	380.047.830	903.633.484	1.283.681.314
Khấu hao trong năm	113.080.777	81.610.542	194.691.319
Số cuối năm	493.128.607	985.244.026	1.478.372.633
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	176.276.170	625.505.602	801.781.772
Số cuối năm	63.195.393	671.914.773	735.110.166

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	23.516.976.738	23.516.976.738	92.204.505.660	92.204.505.660
Đầu tư công trình xây dựng cơ bản	23.516.976.738	23.516.976.738	92.204.505.660	92.204.505.660
<i>Trong đó, một số dự án chính:</i>				
Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn	9.142.124.595	9.142.124.595	9.142.124.595	9.142.124.595
Nhà máy Bột kẽm	4.361.656.581	4.361.656.581	-	-
Dự án mỏ Vàng Pắc Lạng	3.991.282.154	3.991.282.154	4.095.190.347	4.095.190.347
Nhà máy luyện chì	2.436.761.459	2.436.761.459	1.081.850.770	1.081.850.770
Mở rộng nhà máy rau quả	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964
Điểm mỏ chì, kẽm Nà Duông, Tùm Tó	860.207.265	860.207.265	4.483.703.884	4.483.703.884
Đầu tư khai thác mỏ Chì/Kẽm Lũng Vàng	778.250.805	778.250.805	778.250.805	778.250.805
Dự án đầu tư mỏ Nà Bốp - Pù Sáp	-	-	61.463.938.011	61.463.938.011
Đường, Công sân đập, trạm bơm xường tuyến	-	-	2.730.345.841	2.730.345.841
Dự án nhà máy xi măng, chợ mới	-	-	2.639.741.198	2.639.741.198
Sửa chữa lớn xí nghiệp tuyển quặng	-	-	1.600.299.829	1.600.299.829
Chi phí đào lò 313 và Boong ke 320, lò 326	-	-	1.030.617.713	1.030.617.713
Sửa chữa lớn Xi nghiệp bột kẽm axit	-	-	286.617.446	286.617.446
Xường in phun mờ chai	-	-	109.286.614	109.286.614
Các công trình, dự án khác	357.192.915	357.192.915	1.173.037.643	1.173.037.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ (i) VND	Giá trị hợp lý (ii) VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.205.922.401	3.073.322.401	3.132.600.000	6.205.922.401
b) Chứng khoán kinh doanh	1.475.086.581	1.475.086.581	-	1.475.086.581
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.730.835.820	1.598.235.820	3.132.600.000	4.730.835.820
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	13.365.416.075	1.745.650.875	11.619.765.200	13.365.416.075
Tổng Công ty CP Khoáng sản Luyện kim Bắc Kạn	120.000.000	-	120.000.000	120.000.000
Công ty CP Bến xe Nghệ An (iii)	13.245.416.075	1.745.650.875	11.499.765.200	13.245.416.075
Tổng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	19.571.338.476	4.818.973.276	14.752.365.200	19.571.338.476
				2.421.086.581
				17.150.251.895

Ghi chú:

- i. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận như sau:
 - Đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết: được xác định bằng giá gốc trừ đi khoản dự phòng do chưa thu thập được báo cáo tài chính.
 - Đối với khoản đầu tư vào đơn vị khác: được xác định bằng giá gốc trừ đi khoản dự phòng.
- ii. Do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, nên số liệu trình bày trong chi tiêu giá trị hợp lý như sau:
 - Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cổ phiếu chưa niêm yết để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư và cũng chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ;
 - Đối với cổ phiếu niêm yết được tính theo giá thị trường tương ứng tại ngày lập báo cáo tài chính.
- iii. Theo Quyết định 424/QĐ-SGDHN ngày 09/06/2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An; Theo đó, từ ngày 07/07/2017 Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An đã chính hủy giao dịch cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán Upcom. Vì vậy, khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn của Công ty tại Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An được trích lập trên cơ sở giá trị sổ sách của Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo hướng dẫn tại Đoạn b, Khoản 1, Điều 5 Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

d) Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư TM & Du lịch Bó Nặm	Bắc Kạn	147.509	26,50%	26,50%	Thương mại, du lịch
Công ty CP khoáng sản Bắc Kạn Lào	CHDC ND Lào	-	23,00%	23,00%	Khai thác khoáng sản

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	9.895.532.832	9.416.859.580
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.439.685.079	4.560.281.623
Các khoản khác	5.455.847.753	4.856.577.957
<i>b) Dài hạn</i>	6.803.772.789	4.251.750.365
Chi phí lập hồ sơ khai thác mỏ Nà Pốp-Pù Sáp	1.432.069.711	1.078.367.545
Chi phí sửa chữa, cải tạo	298.385.163	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.947.280.215	-
Các khoản khác	2.126.037.700	3.173.382.820
Tổng cộng	16.699.305.621	13.668.609.945

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>a) Phải trả người bán ngắn hạn</i>	16.491.936.951	16.491.936.951	12.149.774.946	12.149.774.946
Công ty Trường Phong	5.018.636.923	5.018.636.923	5.018.636.923	5.018.636.923
Công ty Hoa địa Quảng Tây	678.025.000	678.025.000	678.025.000	678.025.000
Doanh nghiệp tư nhân Trung Thành	1.843.442.500	1.843.442.500	514.213.400	514.213.400
Công ty TNHH Vũ Hoàng	474.523.222	474.523.222	474.523.222	474.523.222
DNTN Kinh doanh sản xuất Xây dựng Cường Lan	1.243.088.720	1.243.088.720	141.589.010	141.589.010
Các đối tượng khác	7.234.220.586	7.234.220.586	5.322.787.391	5.322.787.391
<i>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	2.649.385.434	2.649.385.434	2.435.003.569	2.435.003.569
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	2.649.385.434	2.649.385.434	2.435.003.569	2.435.003.569
Cộng	19.141.322.385	19.141.322.385	14.584.778.515	14.584.778.515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.109.459.711	10.516.966.865	10.080.695.737	2.545.730.839
Thuế tiêu thụ đặc biệt	22.998.550	18.684.703	20.311.591	21.371.662
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.694.835	1.612.154.396	-	1.632.849.231
Thuế thu nhập cá nhân	51.912.285	335.033.832	326.567.061	60.379.056
Thuế tài nguyên	1.114.014.899	3.684.542.703	4.798.557.602	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	305.347.722	515.134.250	820.481.972	-
Thuế bảo vệ môi trường	2.213.885.584	4.693.762.600	6.907.648.184	-
Các loại thuế khác	-	733.887.380	386.343.380	347.544.000
Cộng	5.838.313.586	22.110.166.729	23.340.605.527	4.607.874.788
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	93.265.000	-	-	93.265.000
Thuế thu nhập cá nhân	119.809.979	138.577.777	18.767.798	-
Thuế tài nguyên	-	158.576.325	622.588.461	464.012.136
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	150	255.595.640	255.595.640	150
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	41.575.816	41.575.816
Các loại thuế khác	-	162.354.800	341.000.000	178.645.200
Cộng	213.075.129	715.104.542	1.279.527.715	777.498.302

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	15.065.717.849	21.696.025.316
Kinh phí công đoàn	1.479.663.515	1.484.631.310
Bảo hiểm xã hội	134.524.852	84.380.710
Bảo hiểm y tế	59.007.084	2.962.700
Bảo hiểm thất nghiệp	24.053.380	2.579.220
Tiền đặt cọc dự án mỏ vàng Pắc Lạng (i)	1.200.000.000	1.550.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	354.055.160	354.055.160
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.814.413.858	18.217.416.216
- Công ty TNHH Thương mại Trường Phong (ii)	6.739.200.000	6.739.200.000
- Châu Lập Cường	-	4.000.000.000
- Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc (iii)	3.911.834.400	3.911.834.400
- Vũ Thu Trang	-	1.000.000.000
- Đối tượng khác	1.163.379.458	2.566.381.816
b) Dài hạn	18.000.000	18.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	18.000.000	18.000.000

Ghi chú:

- (i) Tiền đặt cọc theo các thỏa thuận đầu tư ký giữa Công ty với các cá nhân để thực hiện dự án khai thác mỏ Vàng Pắc Lạng.
- (ii) Phải trả tiền chuyển nhượng vốn góp của Công ty TNHH Thương Mại Trường Phong tại Công ty TNHH Việt Trung.
- (iii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/HĐHTKD ngày 05/03/2008 giữa Công ty với Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc với mục đích xây dựng Nhà máy Luyện Chì tại khu vực Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên đến hiện tại Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc đã rút khỏi dự án nhưng Công ty chưa trả lại số tiền này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>a) Vay ngắn hạn</i>	65.810.070.026	65.810.070.026	81.333.593.076	93.911.955.254	53.231.707.848	53.231.707.848
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	16.395.115.179	16.395.115.179	32.385.328.984	32.835.219.983	15.945.224.180	15.945.224.180
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	29.886.466.327	29.886.466.327	45.948.264.092	48.545.589.215	27.289.141.204	27.289.141.204
Vay ngắn hạn các cá nhân (iii)	19.528.488.520	19.528.488.520	3.000.000.000	12.531.146.056	9.997.342.464	9.997.342.464
<i>b) Vay dài hạn</i>	3.371.875.000	3.371.875.000	1.438.125.000	610.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	3.371.875.000	3.371.875.000	1.438.125.000	610.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000

Ghi chú:

(i) HĐ cho vay hạn mức số 30/2017-HĐCVHM/NHCT172-KHOANGSAN ngày 22/09/2017. Phương thức cho vay: vay theo hạn mức; hạn mức cho vay 15 tỷ đồng. Lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi, ngày trả lãi vay và điều chỉnh lãi suất là ngày 25 hàng tháng. Thời hạn duy trì hạn mức từ 22/09/2017 đến hết 22/09/2018. Thời hạn cho vay tối đa không quá 5 tháng đối với khoản vay phục vụ hoạt động khai thác quặng, tối đa 9 tháng với hoạt động luyện chì. Tài sản đảm bảo áp dụng cho hợp đồng này theo các Hợp đồng thế chấp số 01.03.2012/HĐTC-DN ngày 12/04/2012; số 04.10/2015/HĐTC ngày 30/11/2015, số 03.06.14/HĐTC-DN ngày 11/07/2014 và bổ sung thêm (a) Quyền khai thác mỏ của công ty TNHH Việt Trung đối với mỏ chì kẽm Lũng Vàng, (b) toàn bộ phần vốn góp của công ty tại Công ty TNHH Việt Trung, (c) toàn bộ khoản phải thu, Hàng tồn kho luân chuyển của bên vay.

Hợp đồng tín dụng số 01.07/2015HĐTDDA/NHCT172-CTCPKSBK ký với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn ngày 29/07/2015. Số tiền vay: 7 tỷ đồng. Mục đích vay: Thanh toán các khoản chi phí đầu tư hợp pháp của dự án Cải tạo nhà máy luyện chì công suất 5.000 tấn/năm tại Vũng Áng, Chợ Đồn, Bắc Kạn. Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất 10,5% cho kỳ đầu tiên. Thay đổi 1 lần, thanh toán lãi ngày 25 (hoặc ngày liền sau nếu 25 nghỉ). Tài sản đảm bảo: Lò luyện chì công suất 15 tấn/ngày, lò thiêu tinh quặng, công suất 50 tấn/ngày, thiết bị chủ thể lò luyện, thiết bị mua bán chủ thể máy sấy.

(ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức 01/2016/789949/HĐTD ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ngày 21/10/2016. Hạn mức tín dụng 30 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo: Tài sản gắn liền với đất: Giá trị dự án đầu tư khai thác quặng chì kẽm mỏ Nà Bóp - Pù Sáp; Quyền sử dụng đất Văn phòng công ty (Đất thuê của nhà nước đến tháng 12/2051); Quyền khai thác khoáng sản tại mỏ Nà Duông, Bằng Lăng, Chợ Đồn, Bắc Kạn.

(iii) Các khoản vay của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động, lãi suất từng khoản vay từ 0% - 8,7%, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số tại ngày 11/10/2016	117.377.280.000	17.052.895.190	13.400.707.544	(451.132.330)	975.696.240	148.355.446.644
Điều chỉnh do tăng tỷ lệ kiểm soát	-	-	-	(173.318.998)	173.318.998	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.394.352.087	(131.199.985)	2.263.152.102
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	381.088.242	-	381.088.242
Số cuối năm trước	117.377.280.000	17.052.895.190	13.400.707.544	2.150.989.001	1.017.815.253	150.999.686.988
Điều chỉnh hồi tố đầu năm	-	-	-	-	-	-
Số đầu năm nay	117.377.280.000	17.052.895.190	13.400.707.544	2.150.989.001	1.017.815.253	150.999.686.988
Lỗ giao dịch mua tăng tỷ lệ kiểm soát công ty con	-	-	-	(3.483.658.496)	(1.017.815.253)	(4.501.473.749)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	3.003.611.439	-	3.003.611.439
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	2.173.364.074	(2.173.364.074)	-	-
Tăng khác (ii)	-	-	-	1.649.477.726	-	1.649.477.726
Số cuối năm	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	1.147.055.596	-	151.151.302.404

Ghi chú:

- (i) Lợi nhuận được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2017 thông qua Tờ trình 13/TTr-HĐQT ngày 18/04/2017 về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 với giá trị 2.173.364.074 đồng sang Quỹ Đầu tư phát triển.
- (ii) Bao gồm: khoản chi phí lương của năm trước bị loại trừ theo biên bản thanh tra ngày 05/09/2017 của Kiểm toán nhà nước số tiền là 1.536.487.221 đồng và các khoản xử lý tồn đọng các năm trước của Công ty TNHH Việt Trung số tiền là 112.990.505 đồng.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các cổ đông khác	117.377.280.000	117.377.280.000
Cộng	117.377.280.000	117.377.280.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay
	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	117.377.280.000
- Vốn góp đầu năm	117.377.280.000
- Vốn góp cuối năm	117.377.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.737.728	11.737.728
- Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.737.728	11.737.728
- Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh thương mại và dịch vụ du lịch; Khai thác chế biến khoáng sản và kinh doanh khác. Trong kỳ, hoạt động kinh doanh của Công ty tập trung toàn bộ cho mảng Khai thác, chế biến khoáng sản, các hoạt động kinh doanh khác gần như không thực hiện. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty phân chia khu vực địa lý để quản lý hoạt động theo 02 Miền: Miền Nam, Miền Bắc. Tuy nhiên, hoạt động trong kỳ của Công ty chủ yếu (99%) tại Khu vực các tỉnh Miền Bắc, các khu vực địa lý còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

22. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	182.920.006.383	154.082.535.912
Trong đó:		
- Doanh thu bán sản phẩm	182.920.006.383	154.082.535.912
Cộng	182.920.006.383	154.082.535.912
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	182.920.006.383	154.082.535.912

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hoá, thành phẩm đã bán	151.797.220.822	133.681.890.767
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.565.129.208	-
Cộng	155.362.350.030	133.681.890.767

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.558.162.949	23.569.692.198
Chi phí nhân công	57.008.758.575	48.073.454.933
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.955.053.720	13.013.096.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.437.274.695	28.300.387.906
Chi phí khác bằng tiền	14.837.447.190	16.029.910.116
Cộng	186.796.697.129	128.986.541.291

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.991.048.320	4.993.422.566
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.397.886.695	4.252.510.629
Cộng	7.388.935.015	9.245.933.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	10.268.107.577	7.547.565.144
Chi phí đồ dùng văn phòng	223.403.708	110.418.532
Chi phí khấu hao TSCĐ	445.692.634	176.010.338
Thuế, phí và lệ phí	66.396.437	118.583.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	750.183.298	910.233.806
Chi phí dự phòng	1.226.277.216	1.425.012.389
Các khoản chi phí QLDN khác	3.411.998.927	1.939.577.451
Cộng	16.392.059.797	12.227.400.913

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi từ hoạt động thanh lý tài sản cố định	223.844.070	409.090.909
Cho thuê máy móc thiết bị	4.545.454.548	4.545.454.548
Thu nhập khác	706.112.028	47.325.258
Cộng	5.475.410.646	5.001.870.715

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Khấu hao máy móc thiết bị cho thuê	180.809.000	767.317.669
Chi phí khác	4.854.981.093	1.478.540.288
Cộng	5.035.790.093	2.245.857.957

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.003.611.439	1.710.615.304
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.737.728	11.737.728
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	256	146
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành từ kết quả kinh doanh năm 2017.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan

Công ty TNHH Dịch vụ ANB
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã
Công ty CPĐTTM & DL Bó Nặm
Công ty TNHH TM Quốc tế Vũ Hoàng

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Công ty liên kết
Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>
	VND
Bán hàng	27.302.360.004
Công ty TNHH dịch vụ ANB	22.750.000.000
Công ty TNHH tập đoàn Thiên Mã	4.552.360.004
Mua hàng	17.646.162.545
Công ty TNHH tập đoàn Thiên Mã	17.646.162.545

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

Ngoài khoản phải thu của bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh - Phải thu của khách hàng, Thuyết minh - Phải thu khác, Thuyết minh số - Phải trả người bán, Thuyết minh số - Người mua trả tiền trước, Công ty có các số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Công ty vay của thành viên Hội đồng Quản trị	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Vũ Phi Hồ	3.390.000.000	2.430.000.000
Mai Thanh Sơn	3.526.337.835	2.605.342.464
Cộng	6.916.337.835	5.035.342.464

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm nay</u>
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc	2.709.900.061	2.350.453.631
Thu nhập từ lãi cho vay	290.810.776	264.764.884
Cộng	3.000.710.837	2.615.218.515

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phân vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	69.181.945.026	57.431.707.848
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(16.123.152.597)	(8.731.369.411)
Nợ thuần	53.058.792.429	48.700.338.437
Vốn chủ sở hữu	151.151.302.404	150.999.686.988
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	35,1%	32,3%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.123.152.597	8.731.369.411
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.565.550.581	19.419.487.679
Các khoản ký quỹ	1.538.317.663	2.432.217.000
Cộng	42.227.020.841	30.583.074.090
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	69.181.945.026	57.431.707.848
Phải trả người bán và phải trả khác	32.610.851.867	34.729.791.811
Chi phí phải trả	120.868.740	651.934.595
Cộng	101.913.665.633	92.813.434.254

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính hợp nhất quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính hợp nhất quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Trong năm, Công ty phát sinh các khoản vay, tuy nhiên giá trị các khoản vay không lớn do đó Công ty không chịu rủi ro lãi suất nào đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, tuy nhiên, giá trị đầu tư thấp theo đó Công ty chịu ảnh hưởng không đáng kể bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.123.152.597	-	16.123.152.597
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.565.550.581	-	24.565.550.581
Các khoản ký quỹ	-	1.538.317.663	1.538.317.663
Cộng	40.688.703.178	1.538.317.663	42.227.020.841
Số cuối năm			
Các khoản vay	65.810.070.026	3.371.875.000	69.181.945.026
Phải trả người bán và phải trả khác	32.592.851.867	18.000.000	32.610.851.867
Chi phí phải trả	120.868.740	-	120.868.740
Cộng	98.523.790.633	3.389.875.000	101.913.665.633
Chênh lệch thanh khoản thuần	(57.835.087.455)	(1.851.557.337)	(59.686.644.792)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.731.369.411	-	8.731.369.411
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.419.487.679	-	19.419.487.679
Các khoản ký quỹ	1.000.000.000	1.432.217.000	2.432.217.000
Cộng	29.150.857.090	1.432.217.000	30.583.074.090
Số đầu năm			
Các khoản vay	53.231.707.848	4.200.000.000	57.431.707.848
Phải trả người bán và phải trả khác	34.711.791.811	18.000.000	34.729.791.811
Chi phí phải trả	651.934.595	-	651.934.595
Cộng	88.595.434.254	4.218.000.000	92.813.434.254
Chênh lệch thanh khoản thuần	(59.444.577.164)	(2.785.783.000)	(62.230.360.164)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác; số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác. Riêng báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất không có số liệu so sánh do Công ty chưa lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.



Vũ Phi Hồ
Tổng Giám đốc
Bắc Kạn, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Trần Thị Yến
Kế toán trưởng

Trần Thị Tuyết
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tháng 03 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ
Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch
Ông Đinh Văn Hiến	Ủy viên
Ông Mai Thanh Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Huy Hoàn	Ủy viên
Ông Nguyễn Trần Nhất	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Phi Hồ	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Biên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/05/2017)
Ông Nguyễn Văn Chi	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 22/06/2017)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Phi Hồ	Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc đã phân ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (trình bày chế độ kế toán Công ty áp dụng) và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Phi Hồ
Tổng Giám đốc
Bắc Kạn, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Số: 142 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tuy nhiên một số mã hàng tồn kho là nguyên vật liệu của Công ty chưa thực hiện kiểm kê với giá trị là 2.790.464.369 đồng. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh số dư liên quan đến hàng tồn kho và các khoản mục có liên quan trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa thu thập đầy đủ thư xác nhận số dư công nợ của các khoản phải trả như sau: số dư phải trả người bán chưa có đối chiếu xác nhận là: 3.224.009.695 đồng (chiếm 31%), số dư phải trả khác chưa có đối chiếu xác nhận là: 5.194.520.412 đồng (chiếm 35%). Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế, nên chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Căn cứ Biên bản họp của Đại Hội đồng cổ đông số 09/BB-HĐCĐ ngày 13 tháng 04 năm 2017 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào xác định Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào có thể bán với số tiền là 600.000 USD; Theo đó, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào với số tiền là 1.598.235.820 đồng; Ngoài Biên bản này, chúng tôi không thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào và các bằng chứng nào, nên chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính liên quan đến giá trị dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn, chi phí tài chính và các khoản mục liên quan khác cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 hay không. Giá gốc của khoản đầu tư đang được ghi nhận trên báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền là 4.730.835.820 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán có ý kiến chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính riêng này được phát hành đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất, do Kiểm toán viên chưa thu thập được bằng chứng kiểm toán cần thiết của một số khoản mục trong báo cáo tài chính của Công ty con - Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung nên Kiểm toán viên chưa xác định được sự hiện hữu và giá trị của các khoản mục đó.



Chữ Mạnh Hoàn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Trần Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3272-2015-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.793.167.824	79.060.254.496
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	9.706.128.370	2.730.568.490
1. Tiền	111		9.706.128.370	2.730.568.490
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.856.619.491	24.101.055.200
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	28.028.741.509	20.677.348.598
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.190.335.615	2.240.437.147
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.179.232.592	5.498.682.464
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(5.541.690.225)	(4.315.413.009)
III. Hàng tồn kho	140	10	51.352.809.888	47.487.017.305
1. Hàng tồn kho	141		51.352.809.888	47.487.017.305
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.877.610.075	4.741.613.501
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	1.342.698.899	4.560.281.623
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		56.521.899	61.521.899
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	478.389.277	119.809.979
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		168.656.375.006	170.515.585.683
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.625.618.173	1.374.184.236
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	22.625.618.173	1.374.184.236
II. Tài sản cố định	220		103.932.506.076	53.275.584.455
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	103.447.679.150	52.650.078.853
- Nguyên giá	222		181.476.227.629	122.353.183.914
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.028.548.479)	(69.703.105.061)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	484.826.926	625.505.602
- Nguyên giá	228		1.845.379.086	1.845.379.086
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.360.552.160)	(1.219.873.484)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	22.668.150.468	91.426.254.855
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		22.668.150.468	91.426.254.855
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	14.752.365.200	20.187.811.772
1. Đầu tư vào Công ty con	251		10.368.000.000	7.519.200.000
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		6.205.922.401	6.205.922.401
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		13.365.416.075	13.365.416.075
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.186.973.276)	(6.902.726.704)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.677.735.089	4.251.750.365
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	4.677.735.089	4.251.750.365
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		259.449.542.830	249.575.840.179

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		103.379.385.676	99.571.593.371
I. Nợ ngắn hạn	310		99.989.510.676	95.353.593.371
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	10.243.375.138	7.152.754.103
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		637.775.688	7.547.399.505
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	4.565.080.075	5.838.313.586
4. Phải trả người lao động	314		3.536.812.341	5.204.718.677
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		120.868.740	651.934.595
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	14.884.744.447	15.650.224.307
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	65.810.070.026	53.231.707.848
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		114.243.471	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		76.540.750	76.540.750
II. Nợ dài hạn	330		3.389.875.000	4.218.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	18.000.000	18.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	3.371.875.000	4.200.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		156.070.157.154	150.004.246.808
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	156.070.157.154	150.004.246.808
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		117.377.280.000	117.377.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		117.377.280.000	117.377.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.052.895.190	17.052.895.190
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.574.071.618	13.400.707.544
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.065.910.346	2.173.364.074
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.536.487.221	81.660.527
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.529.423.125	2.091.703.547
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		259.449.542.830	249.575.840.179



Vũ Phi Hồ
Tổng Giám đốc
Bắc Kạn, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Trần Thị Yên
Kế toán trưởng

Trần Thị Tuyết
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		180.180.842.656	154.082.535.912
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	180.180.842.656	154.082.535.912
4. Giá vốn hàng bán	11	23	146.762.621.549	133.681.890.767
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		33.418.221.107	20.400.645.145
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		17.086.328	27.291.509
7. Chi phí tài chính	22	25	13.389.538.363	9.245.933.195
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.991.048.320	4.993.422.566
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	14.239.409.839	12.227.400.913
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		5.806.359.233	(1.045.397.454)
10. Thu nhập khác	31	26	4.873.701.081	5.001.870.715
11. Chi phí khác	32	27	4.919.571.035	2.245.857.957
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(45.869.954)	2.756.012.758
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.760.489.279	1.710.615.304
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.231.066.154	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.529.423.125	1.710.615.304



Vũ Phi Hồ
Tổng Giám đốc
Bắc Kạn, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Trần Thị Yến
Kế toán trưởng

Trần Thị Tuyết
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.760.489.279	1.710.615.304
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10.569.633.403	8.865.800.472
- Các khoản dự phòng	03	9.510.523.788	5.677.523.018
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(150.722.692)	(27.291.509)
- Chi phí lãi vay	06	4.991.048.320	4.993.422.566
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	30.680.972.098	21.220.069.851
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(26.586.854.742)	5.477.349.805
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.865.792.583)	(2.709.539.671)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.963.147.834)	7.528.400.733
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	18.817.141.313	2.920.953.364
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.642.982.915)	(4.851.360.776)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(381.088.242)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.439.335.337	29.204.785.064
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(13.515.935.327)	(18.884.278.281)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	133.636.364	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.848.800.000)	(7.519.200.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.086.328	27.291.509
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.214.012.635)	(26.376.186.772)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	93.121.955.254	112.644.410.468
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(81.371.718.076)	(114.093.462.752)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	11.750.237.178	(1.449.052.284)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	6.975.559.880	1.379.546.008
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.730.568.490	1.351.022.482
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	9.706.128.370	2.730.568.490



Vũ Phi Hồ
Tổng Giám đốc
Bắc Kạn, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Trần Thị Yên
Kế toán trưởng

Trần Thị Tuyết
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghệ - Khoa học công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn (nay là Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Kạn), được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/04/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 28/05/2015 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1303000062 ngày 29/03/2006). Vốn điều lệ của Công ty là 117.377.280.000 đồng.

Công ty đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: BKC.

Trụ sở hoạt động của Công ty tại: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động Công ty nắm giữ tài sản;
- Bán buôn thực phẩm; Chế biến và bảo quản rau quả; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Tái chế phế liệu; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thăm dò khoáng sản; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Thăm dò khoáng sản; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị phụ thuộc của Công ty:

1. Xí nghiệp Khai thác khoáng sản Bằng Lăng;
2. Xí nghiệp Khai thác và Chế biến khoáng sản Chợ Đồn;
3. Xí nghiệp Khai thác mỏ Nà Duồng;
4. Xí nghiệp Khai thác mỏ Pù Sáp;
5. Chi nhánh Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tại Thái Nguyên;
6. Chi nhánh Nhà máy nước khoáng AVA;
7. Nhà máy chế biến rau quả nước giải khát Bắc Kạn;
8. Chi nhánh Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tại Hà Nội;
9. Văn phòng đại diện tại thủ đô Vientiane - Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Danh sách các Công ty con:

1. Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung.

Danh sách các Công ty liên kết:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm;
2. Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn Lào.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các bên sau:

Bên liên quan

Công ty TNHH Dịch vụ ANB
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã
Công ty CPĐTTM & DL Bó Nặm
Công ty TNHH TM Quốc tế Vũ Hoàng
Công ty TNHH Việt Trung

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Công ty liên kết
Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. LUẬT KẾ TOÁN MỚI

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính riêng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Ban điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Các Công cụ tài chính không có giá niêm yết trên thị trường Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC, các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản vay, các khoản phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự; và theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; Đối với hoạt động kinh doanh thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 09
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền khai thác nước khoáng và Chi phí sử dụng đất. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể:

	Thời gian sử dụng ước tính (Năm)
Quyền khai thác nước khoáng	05
Chi phí sử dụng đất	20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (khi chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trong một năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo chính sách kế toán của Công ty..

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Vốn điều lệ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá của cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty được phân phối theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	9.548.017.668	2.330.665.679
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	158.110.702	399.902.811
Cộng	9.706.128.370	2.730.568.490

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	10.732.284.883	1.440.238.120
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	9.285.095.161	-
Các đối tượng khác	1.447.189.722	1.440.238.120
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	17.296.456.626	19.237.110.478
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	7.905.000.000	9.270.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	6.501.056.006	5.005.569.860
Công ty CPĐTTM & DL Bó Nặm	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty TNHH TM Quốc tế Vũ Hoàng	-	2.071.139.998
Cộng	28.028.741.509	20.677.348.598

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.190.335.615	2.240.437.147
Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm khai thác mỏ	230.000.000	230.000.000
Công ty TNHH Thanh Bình	200.000.000	200.000.000
Các đối tượng khác	1.760.335.615	1.810.437.147
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Cộng	2.190.335.615	2.240.437.147

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.179.232.592	-	5.498.682.464	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	1.000.000.000	-
Phải thu Tạm ứng của nhân viên	988.994.748	-	1.441.886.373	-
Phải thu khác	2.190.237.844	-	3.056.796.091	-
<i>Công ty liên doanh kim loại màu Việt Bắc</i>	462.590.470	-	462.590.470	-
<i>Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã</i>	197.165.946	-	197.165.946	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	1.530.481.428	-	2.397.039.675	-
b) Dài hạn	22.625.618.173	-	1.374.184.236	-
Ký cược, ký quỹ	1.480.284.899	-	1.374.184.236	-
Công ty TNHH Việt Trung - Bên liên quan (i)	21.145.333.274	-	-	-
Cộng	25.804.850.765	-	6.872.866.700	-

Ghi chú:

(i) Phải thu khác: Công ty chuyển tiền ứng vốn lưu động cho Công ty con - Công ty TNHH Việt Trung phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh theo thỏa thuận tại hợp đồng số 156 ngày 08 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	2.890.400.620	-	2.890.400.620	-
Các đối tượng khác	2.651.289.605	-	1.425.012.389	-
Cộng	5.541.690.225	-	4.315.413.009	-

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	60.084.140	-
Nguyên liệu, vật liệu	17.147.286.780	-	11.844.391.283	-
Công cụ, dụng cụ	2.258.805.391	-	1.785.001.875	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.305.775.885	-	3.573.367.360	-
Thành phẩm	28.621.859.963	-	30.048.219.019	-
Hàng hóa	19.081.869	-	62.992.985	-
Hàng gửi bán	-	-	112.960.643	-
Cộng	51.352.809.888	-	47.487.017.305	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	40.605.179.400	73.578.707.035	5.831.377.441	405.266.569	1.932.653.469	122.353.183.914
Mua trong năm	2.750.000.000	4.084.435.100	3.003.500.001	36.363.636	-	9.874.298.737
Đầu tư XDCB hoàn thành	54.102.256.287	-	-	-	-	54.102.256.287
Thanh lý, nhượng bán	(3.159.804.911)	(480.960.980)	(1.212.745.418)	-	-	(4.853.511.309)
Số cuối năm	94.297.630.776	77.182.181.155	7.622.132.024	441.630.205	1.932.653.469	181.476.227.629
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	23.208.241.133	40.262.308.173	3.937.587.335	405.266.569	1.889.701.851	69.703.105.061
Khấu hao trong năm	4.546.810.998	5.337.095.227	533.873.502	-	11.175.000	10.428.954.727
Thanh lý, nhượng bán	(409.804.911)	(480.960.980)	(1.212.745.418)	-	-	(2.103.511.309)
Số cuối năm	27.345.247.220	45.118.442.420	3.258.715.419	405.266.569	1.900.876.851	78.028.548.479
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	17.396.938.267	33.316.398.862	1.893.790.106	-	42.951.618	52.650.078.853
Số cuối năm	66.952.383.556	32.063.738.735	4.363.416.605	36.363.636	31.776.618	103.447.679.150

Ghi chú:

i. Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đem thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 37.830.092.688 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 41.938.307.972 đồng).

ii. Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 45.362.991.723 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 39.876.839.132 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền khai thác	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	734.114.127	1.111.264.959	1.845.379.086
Tăng / (Giảm) khác	-	-	-
Số cuối năm	734.114.127	1.111.264.959	1.845.379.086
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	625.374.748	594.498.736	1.219.873.484
Khấu hao trong năm	61.176.180	79.502.496	140.678.676
Số cuối năm	686.550.928	674.001.232	1.360.552.160
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	108.739.379	516.766.223	625.505.602
Số cuối năm	47.563.199	437.263.727	484.826.926

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	22.668.150.468	22.668.150.468	91.426.254.855	91.426.254.855
Đầu tư công trình xây dựng cơ bản	22.668.150.468	22.668.150.468	91.426.254.855	91.426.254.855
Trong đó:				
Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn	9.142.124.595	9.142.124.595	9.142.124.595	9.142.124.595
Nhà máy Bột kẽm	4.361.656.581	4.361.656.581	-	-
Dự án mỏ Vàng Pắc Lạng	3.991.282.154	3.991.282.154	4.095.190.347	4.095.190.347
Nhà máy luyện chì	2.436.761.459	2.436.761.459	1.081.850.770	1.081.850.770
Mở rộng nhà máy rau quả	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964
Điểm mỏ chì, kẽm Nà Duông, Tùm Tó	860.207.265	860.207.265	4.483.703.884	4.483.703.884
Dự án đầu tư mỏ Nà Bốp - Pù Sáp	-	-	61.463.938.011	61.463.938.011
Đường, Công sân đập, trạm bơm xường tuyến	-	-	2.730.345.841	2.730.345.841
Dự án nhà máy xi măng, chợ mới	-	-	2.639.741.198	2.639.741.198
Sửa chữa lớn xí nghiệp tuyển quặng	-	-	1.600.299.829	1.600.299.829
Chi phí đào lò 313 và Boong ke 320, lò 326	-	-	1.030.617.713	1.030.617.713
Sửa chữa lớn Xí nghiệp bột kẽm axit	-	-	286.617.446	286.617.446
Xưởng in phun mờ chai	-	-	109.286.614	109.286.614
Các công trình, dự án khác	286.617.450	286.617.450	1.173.037.643	1.173.037.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (i) VND	Giá gốc VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
b) Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- <i>Đầu tư vào Công ty con</i>	10.368.000.000	10.368.000.000	7.519.200.000	4.481.640.123
Công ty TNHH Việt Trung	10.368.000.000	10.368.000.000	7.519.200.000	4.481.640.123
- <i>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</i>	6.205.922.401	3.073.322.401	6.205.922.401	1.475.086.581
Công ty CP Đầu tư TM & Du lịch Bó Nặm	1.475.086.581	1.475.086.581	1.475.086.581	1.475.086.581
Công ty CP khoáng sản Bắc Kạn Lào	4.730.835.820	1.598.235.820	4.730.835.820	-
- <i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>	13.365.416.075	1.745.650.875	13.365.416.075	946.000.000
Tổng Công ty CP Khoáng sản Luyện kim Bắc Kạn	120.000.000	-	120.000.000	-
Công ty CP Bến xe Nghệ An	13.245.416.075	1.745.650.875	13.245.416.075	946.000.000
Tổng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	29.939.338.476	15.186.973.276	27.090.538.476	6.902.726.704

Ghi chú

(i) Do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, nên số liệu trình bày trong chi tiêu giá trị hợp lý được tính như sau:

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và cổ phiếu chưa niêm yết để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư và cũng chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Đối với cổ phiếu niêm yết được tính theo giá thị trường tương ứng tại ngày lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

d) Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH Việt Trung	Chợ Đồn, Bắc Kạn	100,00%	100,00%	Khai thác khoáng sản

Trong năm, tình hình hoạt động kinh doanh của các Công ty con như sau:

Công ty TNHH Việt Trung tập trung chủ yếu là hoạt động khai thác khoáng sản, Công ty con đang trong giai đoạn triển khai hoạt động tìm kiếm thăm dò và năm 2017 Công ty con bắt đầu có doanh thu. Tổng tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 28,5 tỷ đồng, trong đó lỗ lũy kế là 14 tỷ đồng.

e) Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu quyết năm giữ	Tỷ lệ Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư TM & Du lịch Bó Năm	Bắc Kạn	147.509	26,50%	26,50% Thương mại, du lịch
Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn Lào	CHDC Lào	-	23,00%	23,00% Khai thác khoáng sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. CÁC KHOẢN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.342.698.899	4.560.281.623
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	743.429.103	4.560.281.623
Các khoản khác	599.269.796	-
b) Dài hạn	4.677.735.089	4.251.750.365
Chi phí lập hồ sơ khai thác mỏ Nhà Pốp-Pù Sáp	1.432.069.711	1.078.367.545
Chi phí sửa chữa, cải tạo	298.385.163	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.947.280.215	-
Các khoản khác	-	3.173.382.820
Cộng	6.020.433.988	8.812.031.988

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	7.825.677.389	7.825.677.389	4.717.750.534	4.717.750.534
Doanh nghiệp tư nhân Trung Thành	1.843.442.500	1.843.442.500	514.213.400	514.213.400
Công ty TNHH Vũ Hoàng	474.523.222	474.523.222	474.523.222	474.523.222
DNTN Kinh doanh sản xuất XD Cường Lan	613.440.760	613.440.760	141.589.010	141.589.010
Các đối tượng khác	4.894.270.907	4.894.270.907	3.587.424.902	3.587.424.902
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	2.417.697.749	2.417.697.749	2.435.003.569	2.435.003.569
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	2.417.697.749	2.417.697.749	2.435.003.569	2.435.003.569
Cộng	10.243.375.138	10.243.375.138	7.152.754.103	7.152.754.103

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.109.459.711	10.516.966.865	10.080.695.737	2.545.730.839
Thuế tiêu thụ đặc biệt	22.998.550	18.684.703	20.311.591	21.371.662
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.694.835	1.612.154.396	-	1.632.849.231
Thuế thu nhập cá nhân	51.912.285	292.239.119	326.567.061	17.584.343
Thuế tài nguyên	1.114.014.899	3.684.542.703	4.798.557.602	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	305.347.722	515.134.250	820.481.972	-
Thuế bảo vệ môi trường	2.213.885.584	4.693.762.600	6.907.648.184	-
Các loại thuế khác	-	733.887.380	386.343.380	347.544.000
Cộng	5.838.313.586	22.067.372.016	23.340.605.527	4.565.080.075
b) Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	119.809.979	138.577.777	18.767.798	-
Thuế tài nguyên	-	-	436.813.461	436.813.461
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	41.575.816	41.575.816
Cộng	119.809.979	138.577.777	497.157.075	478.389.277

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	14.884.744.447	15.650.224.307
Kinh phí công đoàn	1.447.877.625	1.484.631.310
Bảo hiểm xã hội	110.545.884	84.380.710
Bảo hiểm y tế	2.962.700	2.962.700
Bảo hiểm thất nghiệp	2.579.220	2.579.220
Tiền đặt cọc dự án mỏ vàng Pắc Lạng (i)	1.200.000.000	1.550.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	354.055.160	354.055.160
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.766.723.858	12.171.615.207
- Công ty TNHH Thương mại Trường Phong (ii)	6.739.200.000	6.739.200.000
- Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc (iii)	3.911.834.400	3.911.834.400
- Đối tượng khác	1.115.689.458	1.520.580.807
b) Dài hạn	18.000.000	18.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	18.000.000	18.000.000

Ghi chú:

- i. Tiền đặt cọc theo các thỏa thuận đầu tư ký giữa Công ty với các cá nhân để thực hiện dự án khai thác mỏ Vàng Pắc Lạng.
- ii. Phải trả tiền chuyển nhượng vốn góp của Công ty TNHH Thương Mại Trường Phong tại Công ty TNHH Việt Trung.
- iii. Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/HĐHTKD ngày 05/03/2008 giữa Công ty với Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc với mục đích xây dựng Nhà máy Luyện Chì tại khu vực Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, Tuy nhiên đến hiện tại Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc đã rút khỏi dự án nhưng Công ty chưa trả lại số tiền này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>a) Vay ngắn hạn</i>	65.810.070.026	65.810.070.026	81.333.593.076	93.911.955.254	53.231.707.848	53.231.707.848
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	16.395.115.179	16.395.115.179	32.385.328.984	32.835.219.983	15.945.224.180	15.945.224.180
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	29.886.466.327	29.886.466.327	45.948.264.092	48.545.589.215	27.289.141.204	27.289.141.204
Vay ngắn hạn các cá nhân	19.528.488.520	19.528.488.520	3.000.000.000	12.531.146.056	9.997.342.464	9.997.342.464
<i>b) Vay dài hạn</i>	3.371.875.000	3.371.875.000	1.438.125.000	610.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	3.371.875.000	3.371.875.000	1.438.125.000	610.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000

Ghi chú:

(i) HD cho vay hạn mức số 30/2017-HĐCVHM/NHCT172-KHOANGSAN ngày 22/09/2017. Phương thức cho vay: vay theo hạn mức; Hạn mức cho vay 1,5 tỷ đồng. Lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi, ngày trả lãi vay và điều chỉnh lãi suất là ngày 25 hàng tháng. Thời hạn duy trì hạn mức từ 22/09/2017 đến hết 22/09/2018. Thời hạn cho vay tối đa không quá 5 tháng đối với khoản vay phục vụ hoạt động khai thác quặng, tối đa 9 tháng với hoạt động luyện chì.

Tài sản đảm bảo áp dụng cho hợp đồng này theo các Hợp đồng thế chấp số 01.03.2012/HĐTC-DN ngày 12/04/2012; Số 04.10/2015/HĐTC ngày 30/11/2015, số 03.06.14/HĐTC-DN ngày 11/07/2014 và bổ sung thêm (a) Quyền khai thác mỏ của Công ty TNHH Việt Trung đối với mỏ chì kẽm Lũng Váng, (b) Toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Việt Trung, (c) Toàn bộ khoản phải thu, Hàng tồn kho luân chuyển của bên vay.

Hợp đồng tín dụng số 01.07/2015HĐTDDA/NHCT172-CTCPKSBK ký với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn ngày 29/07/2015. Số tiền vay: 7 tỷ đồng. Mục đích vay: Thanh toán các khoản chi phí đầu tư hợp pháp của dự án Cải tạo nhà máy luyện chì công suất 5.000 tấn/năm tại Vững Áng, Chợ Đồn, Bắc Kạn. Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất 10,5% cho kỳ đầu tiên. Thay đổi 1 lần, thanh toán lãi ngày 25 (hoặc ngày liền sau nếu 25 nghỉ). Tài sản đảm bảo: Lò luyện chì công suất 15 tấn/ngày, lò thiếu tinh quặng, công suất 50 tấn/ngày, thiết bị chủ thể lò luyện, thiết bị mua bán chủ thể máy sấy.

(ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức 01/2016/789949/HĐTD ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ngày 21/10/2016. Hạn mức tín dụng 30 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo: Tài sản gắn liền với đất: Giá trị dự án đầu tư khai thác quặng chì kẽm mỏ Nà Bộp - Pù Sáp; Quyền sử dụng đất Văn phòng Công ty (Đất thuê của Nhà nước đến tháng 12/2051); Quyền khai thác khoáng sản tại mỏ Nà Duông, Bằng Lãng, Chợ Đồn, Bắc Kạn.

(iii) Các khoản vay của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động, lãi suất từng khoản vay từ 0% - 8,7%, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	117.377.280.000	17.052.895.190	13.400.707.544	81.660.527	147.912.543.261
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.710.615.305	1.710.615.305
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	381.088.242	381.088.242
Số đầu năm nay	117.377.280.000	17.052.895.190	13.400.707.544	2.173.364.074	150.004.246.808
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.529.423.125	4.529.423.125
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	2.173.364.074	(2.173.364.074)	-
Tăng khác (ii)	-	-	-	1.536.487.221	1.536.487.221
Số cuối năm	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	6.065.910.346	156.070.157.154

Ghi chú

- (i) Lợi nhuận được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-DHĐCĐ ngày 29/04/2017 thông qua Tờ trình số 13/TTr-HĐQT ngày 18/04/2017 về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 với giá trị 2.173.364.074 đồng sang Quỹ Đầu tư phát triển.
- (ii) Là khoản chi phí lương của các năm trước bị loại trừ theo biên bản thanh tra ngày 05/09/2017 của Kiểm toán Nhà nước.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các cổ đông khác	117.377.280.000	117.377.280.000
Cộng	117.377.280.000	117.377.280.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay
	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	117.377.280.000
- Vốn góp đầu năm	117.377.280.000
- Vốn góp cuối năm	117.377.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.737.728	11.737.728
- Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.737.728	11.737.728
- Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh thương mại và dịch vụ du lịch; Khai thác chế biến khoáng sản và kinh doanh khác. Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty tập trung toàn bộ cho mảng Khai thác, chế biến khoáng sản, các hoạt động kinh doanh khác gần như không thực hiện. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty phân chia khu vực địa lý để quản lý hoạt động theo 02 Miền: Miền Nam, Miền Bắc. Tuy nhiên, hoạt động trong năm của Công ty chủ yếu (100%) tại Khu vực các tỉnh Miền Bắc, các khu vực địa lý còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

22. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	180.180.842.656	154.082.535.912
Trong đó:		
- Doanh thu bán sản phẩm	180.180.842.656	154.082.535.912
Cộng	180.180.842.656	154.082.535.912
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	180.180.842.656	154.082.535.912

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hoá, thành phẩm đã bán	146.762.621.549	133.681.890.767
Cộng	146.762.621.549	133.681.890.767

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.432.128.767	23.569.692.198
Chi phí nhân công	45.607.257.346	48.073.454.933
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.569.633.403	13.013.096.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.920.938.540	28.300.387.906
Chi phí khác bằng tiền	13.581.048.393	16.029.910.116
Cộng	169.111.006.449	128.986.541.291

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.991.048.320	4.993.422.566
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	8.398.490.043	4.252.510.629
Cộng	13.389.538.363	9.245.933.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi từ hoạt động thanh lý tài sản cố định	133.636.364	409.090.909
Cho thuê máy móc thiết bị	4.545.454.548	4.545.454.548
Thu nhập khác	194.610.169	47.325.258
Cộng	4.873.701.081	5.001.870.715

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Khấu hao máy móc thiết bị cho thuê	180.809.000	767.317.669
Chi phí khác	4.738.762.035	1.478.540.288
Cộng	4.919.571.035	2.245.857.957

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	8.763.588.951	7.547.565.144
Chi phí đồ dùng văn phòng	192.974.596	110.418.532
Chi phí khấu hao TSCĐ	414.075.939	176.010.338
Thuế, phí và lệ phí	66.396.437	118.583.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	667.183.891	910.233.806
Chi phí dự phòng	1.226.277.216	1.425.012.389
Các khoản chi phí QLDN khác	2.908.912.809	1.939.577.451
Cộng	14.239.409.839	12.227.400.913

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay
	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại	
Lợi nhuận trước thuế	5.760.489.279
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	394.841.491
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	2.761.811.022
<i>+ Chi phí không hợp lý</i>	2.761.811.022
<i>Trừ: Chuyển lỗ các năm trước</i>	(2.366.969.531)
Thu nhập chịu thuế	6.155.330.770
Thuế suất thông thường	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.231.066.154
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.231.066.154

Công ty đã xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sau khi đã loại trừ các khoản chi phí không được trừ tạm tính là 2.761.811.022 VND. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	69.181.945.026	57.431.707.848
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(9.706.128.370)	(2.730.568.490)
Nợ thuần	59.475.816.656	54.701.139.358
Vốn chủ sở hữu	<u>156.070.157.154</u>	<u>150.004.246.808</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>38,1%</u>	<u>36,5%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.706.128.370	2.730.568.490
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.822.622.402	19.418.731.680
Các khoản ký quỹ	1.480.284.899	2.374.184.236
Cộng	<u>57.009.035.671</u>	<u>24.523.484.406</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	69.181.945.026	57.431.707.848
Phải trả người bán và phải trả khác	23.587.696.076	21.251.966.390
Chi phí phải trả	120.868.740	651.934.595
Cộng	<u>92.890.509.842</u>	<u>79.335.608.833</u>

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, do đó Công ty chưa áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Trong năm, Công ty phát sinh các khoản vay, tuy nhiên giá trị các khoản vay không lớn do đó Công ty không chịu rủi ro lãi suất nào đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, tuy nhiên, giá trị đầu tư thấp theo đó Công ty chịu ảnh hưởng không đáng kể bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.706.128.370	-	9.706.128.370
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.677.289.128	21.145.333.274	45.822.622.402
Các khoản ký quỹ	-	1.480.284.899	1.480.284.899
Cộng	34.383.417.498	22.625.618.173	57.009.035.671
Số cuối năm			
Các khoản vay	65.810.070.026	3.371.875.000	69.181.945.026
Phải trả người bán và phải trả khác	23.569.696.076	18.000.000	23.587.696.076
Chi phí phải trả	120.868.740	-	120.868.740
Cộng	89.500.634.842	3.389.875.000	92.890.509.842
Chênh lệch thanh khoản thuần	(55.117.217.344)	19.235.743.173	(35.881.474.171)
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.730.568.490	-	2.730.568.490
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.418.731.680	-	19.418.731.680
Các khoản ký quỹ	1.000.000.000	1.374.184.236	2.374.184.236
Cộng	23.149.300.170	1.374.184.236	24.523.484.406
Số đầu năm			
Các khoản vay	53.231.707.848	4.200.000.000	57.431.707.848
Phải trả người bán và phải trả khác	21.233.966.390	18.000.000	21.251.966.390
Chi phí phải trả	651.934.595	-	651.934.595
Cộng	75.117.608.833	4.218.000.000	79.335.608.833
Chênh lệch thanh khoản thuần	(51.968.308.663)	(2.843.815.764)	(54.812.124.427)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 - Thông tin về các bên liên quan, Công ty trình bày các thông tin về các nghiệp vụ giao dịch và số dư đối với các bên liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, trên báo cáo tài chính riêng, Công ty không trình bày các thông tin này.

